

80  
INDO-CHINOIS  
440

# 集全貧稿

## CẢO THƠ'M TOÀN TẬP

(Sách này chia làm ba tập:  
Tập thơ, phú, tập văn, câu đối và tập bài hát ả-dầu  
của các bậc danh nhân nước ta).

DEPT LEGAL  
INDOCHINE  
MS 6691

### HẢI-NAM ĐOÀN-NHƯ-KHUÊ BIÊN TẬP

Hiệu sách Quảng-Thịnh — 115, Hàng Gai, Hanoi

Xuất bản

IN LẦN THỨ TƯ

Giá: 0\$40

*2 exemplaires  
pour dépôt légal  
119/10/27*



HANOI

In tại Ngô-tử-Hạ Ấn-quán  
101, Hàng Gai, 101

1927

*J. Indich  
440*



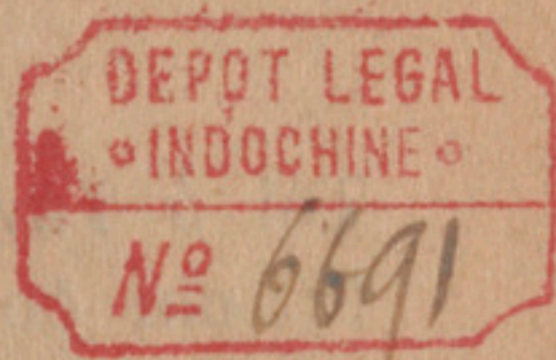




# CẢO-THƠ'M TOÀN-TẬP



TẬP THƠ



## THƠ BÁN THAN

Một gánh kiền khôn quấy tếch ngàn,  
Hỏi rằng gì đó? dạ rằng than!  
Đói no miễn được đồng tiền tốt,  
Hơn thiệt bao nài gốc củi tàn!  
Muốn giữ lửa hương cho vẹn kiếp,  
Thử xem vàng đá có bền gan?  
Toan từ nhem nhuốc thay nghề khác,  
Lại sợ giờ kia thiếu kẻ hàn.

### Tiểu dẫn

Bài này của ông Trần-khánh-Dur đời nhà Trần, ông làm quan bị mất chức, vào rừng đốt than. Một ngày vua Trần Nhân - tôn lánh giặc Nguyên, qua bên đò Bình-ly ( huyện Chí-riah) bắt gặp, vua thấy gánh than, ra ngay cho bài thơ tức cảnh, ông ấy làm bài thơ này, vua khen lại phục chức cho làm Phó-đô tướng-quân, cho theo đi đánh giặc, có công sau lại làm nên được một bậc trung-hưng danh-tướng

## HỎI CÔ BÁN CHIẾU

Ả ở đâu ta bán chiếu gon?  
Chẳng hay chiếu ấy hết, hay còn?



Xuân thu phỏng độ bao nhiêu tuổi?  
Đã có chồng chưa, được mấy con?

Bài họa lại

Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon,  
Có chi ông hỏi hết, hay còn?  
Xuân thu tuổi mới giăng tròn lẽ,  
Chồng còn chưa có, có chi con.

Tiểu dẫn

Bài thơ trên của ông Nguyễn-Trãi, khi ông đã làm quan đời vua Lê. Một hôm đi châu về, giờ đã xâm-xâm tối, gặp một người con gái đi bán chiếu về, nhan sắc tuyệt trần, ông mới đọc bốn 4 câu thơ này. Thơ họa lại tức là của người con gái, tên là Nguyễn-thị-Lộ, ông Trãi thấy người có nhan sắc và biết văn từ, cho về làm nàng hầu. Rồi vua Lê Thái-tôn vời làm nữ-học sinh, thường thường được ra vào trong cung. Sau ông Trãi mắc phải tội tru-di, cũng vì nàng ấy. Tương truyền nàng ấy là con rắn hiện hình ra để báo thù khi trước. khi đem chém nàng ta thì thấy con rắn ở trong cũi bỏ ra mới biết là ông Trãi bị oan.)

TẬP THƠ VUA LÊ-THÀNH-TÔN

Sách chép bà Hoàng-thái-hậu trước đi cầu-tự, khi gần sinh ngài, mệt quá, nhắm đi; nằm chiêm-bao lên giờ, thấy đức Thượng-đề sai một vị Tiên-đồng không chịu xuống, Thượng-đề giận, lấy cái kốt bằng ngọc đánh vào trán hơi chảy máu, sức tinh sinh ngài, trán hãy còn ngân vết đó.



Ngài thiên-tư thông-minh, và lại ham về những đường phần điển, ngâm vịnh rất nhiều, thơ quốc-âm càng hay lắm, rất hay là không cứ bài gì cũng làm ra khẩu-khí ngôi thiên-tử được. Xin lục đăng các bài sau này :

### NGƯỜI BỒ NÀIN

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ,  
Vốn lòng vì nước há vì dứa !  
Xét-soi trước mặt đôi vàng ngọc,  
Vùng-vẫy trên tay một lá cờ;  
Dẹp giống muông chim xa phải lánh,  
Dễ quân cây cuốc gọi không thừa;  
Mặc ai nhẩy nhót đường danh lợi,  
Ơn nước đầm-đìa hạt móc mưa.

Một câu tam tứ nữa là :

Tay áo phất-phơ cơn gió thổi,  
Bồ-hôi lã-chã lúc giờ mưa.

### NGƯỜI ĐI XIN

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,  
Khấp hòa thiên-hạ đến ăn mày;  
Hạt châu chúa cất trao ngang miệng,  
Bệ ngọc tôi từng đứng chấp tay;  
Nam bắc đông tây đều đến cửa,  
Trẻ già giai gái cũng chiềng thầy;  
Đến đâu sẵn có lâu đài đấy,  
Bốn bề thu về một túi đầy.



## THẮNG MỖ

Góm thay nhón tiếng lại giải hơi,  
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi !  
Mộc đặc vang-lừng trong bốn cõi,  
Kim-thanh rền-rĩ khắp đời nơi ;  
Đâu đâu đẩy đẩy đều nghe lệnh,  
Xã xã dân dân phải cứ nhời ;  
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,  
Một mình một cỗ thỏa lòng xoi.

## ĐỀ MIẾU BÀ TRƯƠNG

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,  
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương ?  
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,  
Làn nước chi cho lụy đến nàng !  
Chứng quả có đôi vàng nhật nguyệt,  
Giải oan chi mượn đến đàn trường .  
Qua đây mới biết nguồn-cơn ấy,  
Khá trách chàng Trương khéo phụ-phàng !

### *Tiểu dẫn*

Miêu bà Trương này còn ở bên sông Hoàng - giang (làng Vũ-điện, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-nam) Bà Trương họ Vũ, người làng Vũ-điện, lấy chồng cùng làng, người họ Trương, được nửa năm chồng phải đi lính, lúc chồng đi, bà ta đã có thai, rồi sinh được một đứa con giai đặt tên là Đản.



Ba năm giặc tan chồng về. Khi chồng về thì mẹ đã mất rồi, đứa con đã bập-bẹ biết nói. Người chồng bế con ra thăm mộ mẹ, đứa con khóc, nhất định không theo gọi con bảo rằng: « Con ơi ra với cha, cha vẫn thương con lắm ! » Đứa con nói: « Người cũng là cha ư ? nhưng nay người lại biết nói, khi trước người cha thì không nói, cứ mẹ ngồi thì ngồi, mẹ đi thì đi, đèn tối thì thây đèn ». Chàng Trương sẵn có máu ghen, nghe con nói liền đem lòng ngờ vợ, về đèn nhà thét mắng, nói đủ trăm đường xỉ-nhục, dẫu vợ van lạy thề nào, và trong làng trong họ biện-bạch chừng nào cũng không nghe, mà hỏi ai nói thì nhất định giầu, không bảo là con nói, bà Trương bị trăm đường sỉ-khố, đèn nổi phải gieo mình xuống giữa dòng Hoàng-giang.

Chàng Trương từ khi vợ mất, buồn khuya thanh-vắng một mình, cũng động lòng thương nhớ. Có một đêm đương bế con, thì đứa con chỏ vào bức vách oà lên nói rằng: « Kia cha Đản lại đèn kia! » Vì ngày trước người chồng đi vắng, bà Trương cứ chỏ vào bóng mình nói dối con rằng người cha đây, nên đứa bé nhận nhầm. Lúc bây giờ chàng Trương mới biết rõ rằng vợ mắc phải tiếng oan, rất là thương sót, nhưng không thể làm thề nào được, mới ra Hoàng-giang lập một đàn để giải oan. Sau vua Lê Thánh-tôn qua đây để bài thơ này (chuyện chép tường ở bộ Chuyền-kỳ-Man-lục).

---



## THÍCH CÂU

« Đền đây mền cảnh mền thấy, »  
« Tuy vui đạo Phật chưa khuấy lòng người. »

Ngâm sự trần duyên khéo nực cười !  
Tuy vui đạo Phật chưa khuấy người ;  
Chầy kèn mấy khắc tan miền tục,  
Hồn bướm năm canh lẫn sự đời,  
Bể thẳm muôn tầm mong tát cạn,  
Sông ân nghìn trượng dễ khơi vơi ;  
Nào nào cực lạc là đâu tá ?  
Cực lạc là đây hẳn tỏ mười.

### Tiêu dẫn

Vua Thánh-tôn khi ra chơi chùa Ngọc-hổ, thấy trên gác chuông có một người con gái đẹp ngâm rằng : Đền đây v, v. . . » Vua yêu người có tài-tử, cho đòi lại họa thơ, người con gái xin vua làm trước. Vua hỏi đâu bài thì xin lấy ngay câu ngâm trước. Vua làm xong đưa cho người con gái xem, thưa rằng : « Câu thứ ba thứ tư thiêu ý cảnh, xin đổi lại rằng :

Gió thông đưa kệ tan miền tục,

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Còn câu thứ 5, 6 thi chữ thẳm xin đổi làm chữ khỏ, chữ sông xin đổi làm chữ nguồn. » Vua khen lắm cho đi kiệu cùng vé, gần đền cung thì thấy mặt, mới biết là người tiên. Vua mới sai dựng một đền ở trước cửa cung, gọi là Vọng-tiên quán, nghĩa là nhớ người tiên mà mong mới, đến ấy đền nay vẫn hãy còn.



## TẬP THƠ

### QUAN TRẠNG-NGUYÊN NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM

Quan Trạng người làng Trung am, huyện Vinh-lại, tỉnh Hải-dương, đỗ Trạng-nguyên năm thứ 6 niên hiệu Đại-chinh, đời nhà Mạc, làm quan đến Đông-các Đại-học-sĩ, được phong tước Công, sau cáo về, làm nhà nghỉ mát ở làng gọi là am Bạch-vân, thường có tên riêng là Bạch-vân xứ-sĩ.

Ngài là học-trò quan Bảng-nhơn Lương - đặc - Bảng truyền thụ được một bộ Thái-ất thân-kinh nên rất tinh về đường Lý-học, suy chắc biết được cả vận-hội mây trăm năm về trước, mây trăm năm về sau thường có nhời sâm ký để lại sau rất là linh nghiệm, nhưng bao giờ việc đã qua rồi thì mới biết, thử xem một nhời sâm như là : « Cha con thặng Khả đánh ngã bia tao làng bắt đến tền tam quán » (nghĩa là ba quan), sau chỗ mộ ngài có cha con thặng Khả đi đào êch đánh đổ bia thật, làng theo nhời ngài bắt khoán nó ba quan tiền, nhưng nó không có gì, chỉ có một cái thuổng đi đào êch đem cô mãi chỉ được một quan tám thôi, mới biết tam quán nói lái lại thành ra quan tám. Các nhời sâm thì thật rõ mà toàn huyện diệu như thề cả.

Ngài có tập thơ Bạch-vân bằng chữ nho, và một trăm bài thơ quốc-âm để lại, thơ quốc-âm dẫu không được hay, nhưng ngài là một nhà triết-lý học, bài nào cũng có ý khuyên dẫn đời, cũng là những bài cách-ngôn của bậc danh-nhân trong nước. Xin lục mây bài sau này,



Bài thứ 42 trong 100

Chớ chê người ngắn, cậy ta dài.  
Dù kém dù hơn ai mặc ai ;  
Mùi nọ có bùi không có ngọt ;  
Mầu kia càng thắm lại càng phai,  
Đã hay phận định đành yên phận,  
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài !  
Quân-tử ngẫm xem cơ xuất xứ,  
Ắt là khôn hết cả hòa hai.

Bài thứ 77

Thế-gian biến đổi khéo lôi-thôi,  
Mặn, nhạt, chua, cay với ngọt-bùi !  
Còn bạc còn tiền còn đệ-tử,  
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.  
Xưa nay đều trọng người chân-thực,  
Thiên-hạ ai ưa kẻ-đãi bôi !  
Xem kỹ mới hay người bạc ác,  
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

CÙNG SANG CHUYỂN ĐÒ SÔNG TAM-KỶ

Một hòm kinh sử, níp kim-cương,  
Ngươi, tớ cùng sang một chuyến dương;  
Đám hội đàn chay, ngươi đứng-đỉnh,  
Ngôi cao chức trọng, tớ nghênh-ngang !  
Sao ngươi chả nhớ nhờ Hàn-Dũ ?  
Đây tớ còn cầm truyện Thủy-Hoàng !  
Phút chốc lên bờ rồi tiễn biệt,  
Ngươi thì nên phật, tớ nên sang,



### Tiểu dẫn

Thơ này của ông Lương-hữu-Khánh, con quan Bàng-nhỡn Lương-đắc-Bằng, khi quan Bàng-nhỡn mất, ngài mới sinh, mẹ già nhà nghèo, những người có khí tiết không chịu ra làm quan với nhà Mạc, học hay chữ, ăn khoẻ, nhà nghèo không được mấy bữa no. Có một ngày đi sang qua bên đò Tam-kỳ, gặp hai vị Hoà-thượng đi đám chay vé, các Hoà-thượng thấy ông Lương ra ý đỏi, cho hai ba phẩm oản, ông Lương từ nói rằng: « Học trò nghèo đã chịu đỏi hai ba hôm nay may gặp các vị Hoà - thượng đem lòng bố thí nhưng cho từng ấy thì không sao đủ được » Các vị cười nói rằng :

« Nêu thực học trò thi thử làm một bài thơ tức cảnh cùng sang một chuyen đò, hễ qua đò xong mà hay thì có bao nhiêu lộc xin đái cả. » Đò vừa tới bên, thơ xong. Hoà-thượng xem đều nức nở khen, có 70 phẩm oản đái cả. Ông Lương ngồi ngay dưới thuyền ăn một lúc hết, ai ai cũng lấy làm lạ, sau về giúp nhà Lê nên được nghiệp trung-hung phong làm đại-vương.

### THƠ CÁI SẮC PHÁO

Xác không vốn những cây tay người,  
Khôn khéo làm sao buộc cũng rơi ;  
Kêu lắm lại càng tan-tác lắm.  
Thế nào cũng một tiếng mà thôi !

### Tiểu dẫn

Người Nguyễn-Chính khi còn lên 9 tuổi đi học, năm mới đến mừng tuổi thầy, thầy nhặt cái xác pháo cho rơi bắt làm một bài thơ tức cảnh.



Thơ tức cảnh làm xong, thấy xem nói chuyện với bạn rằng: « Gã này ngày sau sự-nghiệp chưa biết chừng nào, nhưng làm loạn trong thiên-hạ hẳn cũng gã này » Cho vé học thầy khác, 16 tuổi đỗ cử-nhân trường văn, 18 tuổi vào kỳ đệ tam trường võ, rồi vào thành Bình-định theo Tây-sơn bảy mưu kế, Tây-sơn rất tin dùng, phong đến chức Quận-công, sau cậy công quá, đến nỗi ghét ghen phải bắt đặc kỳ tử, đúng vớt khẩu-khi bài này.

### TẬP THƠ ÔNG ÔN NHƯ TIÊN SINH

Cuối đời nhà Lê có ông tên hiệu là Ôn-Như tiên sinh, thơ quốc-âm rất hay, làm có hai lời: một lời đọc ứng khẩu thi hoạt, một lời trắc-luyện kỹ thi hay.

*Lời ứng khẩu như bài sau này :*

#### SAI ĐẦY TỚ (tên là Cam) ĐI HẢI HOA

Cam, chóng ra thăm gốc hải-đường,  
Hải hoa về để kết làm tràng ;  
Nhưng cảnh với cánh dừng tay nặng,  
Mấy đoá còn xanh chớ bẻ quàng !  
Mới lại tây-hiên tìm liễn sạ,  
Rồi sang đông-viện lấy bình hương ;  
Mà về cho chóng dừng thơ-thần,  
Kéo lại rằng chưa dặn kỹ càng.

#### VỊNH ĐÁM GỪNG, TÔI BỊ MƯA GIÓ ĐỒ

Lỡm-nhỡm vài hàng tôi,  
Lơ-thơ mấy khóm gừng ;  
Về chi là cảnh mọn,  
Mà cũng đến tang-thương !



*Lời trác luyện như bài sau này :*

### VỊNH TRỐNG CANH NĂM

Rể gọi người năm thiên cổ dậy,  
Sương chùm cảnh đứng tứ canh đi.

### KHÓC VỢ

Đạp cổ kinh ra tìm lấy bóng,  
Xếp tàn y lại để dành hơi.

### VỊNH CẢNH

Đưa lọt kẽ màn khuôn gió dịp,  
Luồn qua cửa sổ bóng giăng thâu.

### ĐƯA CHO TÌNH NHÂN

Khắc chẳng ra cho nuốt chẳng vào,  
Khối tình cay đắng biết làm sao !  
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,  
Ới hỡi ! ai ơi ! khốn thế nào ?

---

### RẪN MÀ CHẲNG HỌC

Chẳng phải thừa-đuru cũng gọi là,  
Rắn mà chẳng học, có ai tha ;  
Thẹn đèn hồ-lửa đau lòng mẹ,  
Rầy hét mai-gâm rát họng cha !  
Ráo mép chỉ quen nhời nói dối,  
Lăn lưng cam chịu cái roi cha ;  
Từ đây châu-lỗ xin về học,  
Kéo hồ-mang đeo tiếng thế-gia.



*Tiêu dẫn*

Đời nhà Lê có ông Nghè, khi còn bé hay chơi không chịu học, cha đánh mắng rằng: «Rắn mặt mà không chịu học» nhân lây câu ấy ra cho bài thơ, bảo hãy làm được, thì tha đòn cho, không được thì phải đòn, ông Nghè làm bài thơ ấy, mỗi câu dùng một tên con rắn.

VỊNH CẢNH TÂY-HỒ

*(Bài này đọc xuôi, đọc ngược được)*

Bài đọc xuôi

Đây vui thực lạ cảnh Tây-hồ,  
Trước tự giới kia khéo vẽ đồ;  
Mây lẩn nước xanh màu tổ ngọc,  
Nguyệt lồng hoa thắm vẽ in châu;  
Cây la tán rợp từng cao thấp,  
Sóng gợn cầm tâu dịp nhỏ to;  
Bầy khéo thú vui non nước đủ,  
Tây-hồ giá ấy dễ đâu so.

Bài đọc ngược

So đâu dễ ấy giá hồ Tây,  
Đủ nước non vui thú khéo bầy;  
To nhỏ dịp tâu cầm gợn sóng,  
Thấp cao từng rợp tán la cây;  
Châu in vẽ thắm hoa lồng nguyệt,  
Ngọc tổ màu xanh nước lẩn mây;  
Đồ vẽ khéo kia giới tự trước,  
Hồ Tây cảnh lạ thực vui đây.



*Tiểu dẫn*

Cuối đời nhà Lê, vua ra lập đàn tế ở Tây-hồ, sai một ông quan làm bài phú và bài thơ cảnh Tây-hồ, vua có ban cho 20 quan tiền để làm phần thưởng.

THƠ CON NGHỀ

(*Mỗi câu dùng một con thú*)

Có nghề mà lại cậy chi nghề,  
Nghề thế ai ngờ lại hóa nghề;  
Vạn tội bất như danh cũng hổ,  
Nhất văn vô hữu nợ còn bê,  
Khoa-danh coi cũng đồ khoe mã,  
Cờ biển xem như cửa ướn sề,  
Bôn tẩu làm chi cho rách gấu,  
Thà rằng ngồi tốt vượt râu dê.

*Tiểu dẫn*

Ông Nghè Nguyễn-đình-Tân người làng Thương-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, khi mới đỗ tiến sĩ, nhà nghèo, đem cả mũ áo lên cầm cho quan Thượng. Lúc bấy giờ quan Thượng Nguyễn-công-Trứ làm Thượng-thư tỉnh ấy, ngài nói rằng: «Bác chỉ khéo làm trò nghề thôi!» nhân lấy ra cho bài thơ, bắt rằng mỗi câu dùng một con thú ông Nghè mới làm bài thơ này, rồi quan Thượng có hậu thưởng.

VỊNH CHIM BỒ CÂU

Cu hời cu hời! bảo cu hay,  
Cu ở đường mô, cu tới đây?  
Chờ cây lồng son cùng ống sứ,  
Có ngày thót miến với dao phay.



*Tiêu dẫn*

Ông Nghè Tân khi chưa đỗ, còn đi ngồi dạy học, một hôm quan Thượng hện ra chơi nhà chủ, nhà chủ có một cái sập giữa cao, nhà chủ bảo để nhường quan ngồi, ông Nghè nhất định không nghe, lúc quan Thượng ra, cứ ngồi giữa sập, quan Thượng cũng ngồi đây, hỏi thấy đỗ có biết làm thơ không? ông Nghè thưa: biết làm thơ nôm. Sản trước cửa có lồng chim bố-câu treo, quan Thượng lấy ra đầu bài, ông Nghè ứng khẩu làm ngay bài thơ ấy, quan Thượng xem, biết là sắc, nhưng hay, phải khen mà thưởng tiền cho.

---

**TẬP THƠ BÀ HUYỆN THANH-QUAN**

Bà huyện người làng Nghi-tâm, nay thuộc về huyện Hoàn-long gần Hà-nội lấy chồng người huyện Thanh-tri, làng Nguyệt-áng, tên là Lưu-Hân, đỗ cử-nhân ân khoa năm thứ hai đời vua Minh-Mịnh, làm quan đên tri-huyện thì bị cách.»

Bà huyện có văn tài, văn hay lắm, mà văn quốc âm lại càng hay, vua nghe tiếng vời vào cung, cho làm nữ-giáo-tập, để dạy cung nhân và Công-chúa.

Văn bà rất đứng-dẫn, âm luật hơi giống Đường-thi, kê sau này cũng không mấy nhà văn-sĩ làm bằng, chỉ phải trong một bài thi phần nhiều còn dùng chữ nho nên chưa được gọi là toàn bích.

Xin lục mấy bài sau :



### ĐI ĐÒ BUỔI CHIỀU

Thấp thoáng non tiên lác đác mưa,  
Bút thần khôn vẽ thú tiêu-sơ;  
Xanh om cỏ-thụ tròn gương tán,  
Trắng xóa tràng-giang phẳng lặng tờ;  
Bầu giốc quan sơn say chập rợp,  
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ;  
Biết bao tao khách tình đi lại,  
Thấy cảnh này ai chẳng thần thờ.

Một câu thứ 5, 6 nữa :

Còi mục thét giăng miền khoáng-giã,  
Chài ngư tung gió quăng bình-sa.

### GIỜ HỒM NHỚ NHÀ

Chiều giời bãng-lãng bóng hoàng-hôn,  
Tiếng dõc xa đưa lãn trõng đồn;  
Gác mái, ngư-ông về viễn-phố,  
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn;  
Ngàn dâu, gió cuốn chim bay mỗi,  
Dậm liễu, sương thừa khách bước đồn,  
Kẻ chốn trưng-dài người lữ-thứ,  
Mấy ai mà kể nỗi hàn-ôn.

### QUA NÚI ĐÈO-NGANG

Qua núi đèo-ngang bóng xế tà,  
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa;  
Lom-khom dưới núi tiêu dẫm chú,  
Lác-đác bên sông, chợ mấy nhà;



Luyến chủ, đau lòng con cuốc-cuốc,  
Thương người mỗi miệng cái đa-đa;  
Dừng chân ngảnh lại giới, non, nước,  
Một mảnh tình riêng ta với ta.

### QUA CHÙA TRẦN-BẮC

Trần-bắc hành-cung cỏ dãi dầu,  
Khiến người qua đó chệnh lòng đau;  
Mấy giò sen héo hơi hương ngự,  
Năm thức mây phong nếp áo châu;  
Sóng lớp phế hưng, coi vẫn dộn,  
Chuông hồi kim cổ, lắng càng mau.  
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?  
Khéo ngần-ngơ! cho lũ trọc đầu.

### THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỒ

Tạo-hóa gây chi cuộc hí trường,  
Đến nay thấm-thoắt mấy phong sương;  
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch-dương;  
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt,  
Nước còn chau mặt mấy tang thương;  
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,  
Cảnh đây người đây luống đoạn trường!

### VUA SAI ĐỀ CÁI CHÉN VẼ SƠN THỦY

Như in thảo mộc giới Nam lại,  
Dem cả sơn hà đất Bắc sang.



Bà Huyện có câu đối dán tết rằng :

Duyên mấy văn-chương nên gián chữ,  
Nợ gì giới đất phải giồng nêu.

Nghe đầu quan Huyện bị cách cũng vì bà: đầu có một người đàn-bà tên là Nguyễn-thị-Đào kiện chống tình-phụ, quan Huyện đi vắng, bà phê ngay vào đơn rằng :

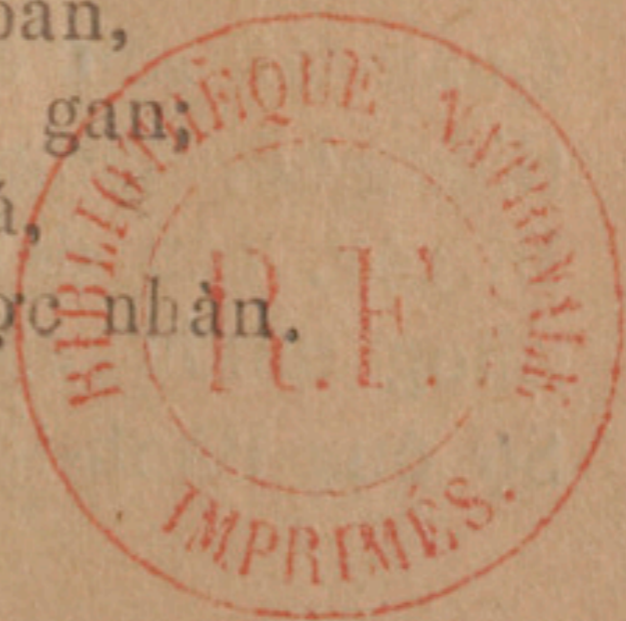
Phó cho con Nguyễn-thị-Đào,  
Nước trong leo-lẻo cấm sào đợi ai!  
Chữ rằng: Xuân bắt tái lai,  
Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già.

Vì bà phê mây chữ, sau chống Thị-Đào đi thưa, nên quan Huyện phải cách.

### ĐỀ ĐỘNG LIÊN-HOA

Quan Phạm-văn-Nghị, người làng Tam - đặng, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định, đỗ Hoàng-giáp đời vua Minh-Mịnh thứ 19, làm quan đến Thị-giảng Học-sĩ, sung làm chức Doanh-điền Chánh-sứ tỉnh Nam-định và Hải-phòng, sau về ẩn ở động Liên-Hoa (Ninh-bình) có đề hai bài thơ này :

1. Ta chẳng chê ai chẳng gheo ai,  
Ơn vua về ở động Thiên-thai ;  
Thiên-thai chỉ có non cùng nước,  
Non nước làm vui gác chuyện ngoài.
2. Một gánh cần câu tới thạch bàn,  
Cá tuy không được chỉ ngồi gan,  
Dù ai xem giở cười không cá,  
Không cá nhưng ông đã được nhàn.





Quan Hoàng-gláp ở nhà có viết chơi mấy chữ treo trên vách như sau này:



Ngài bảo « Hễ ai trông đây mà đọc thành ra bốn câu thơ nôm thì xin thờ làm thầy ». Không ai đọc được cả. Sau có ông thầy ở trong làng đến chơi bảo ngài rằng : « Nghe nói anh có đồ mây chữ mà không ai đọc được, tưởng câu ấy cũng chả khó gì, để ta đọc cho mà xem », rồi cụ đó đọc thành bài thơ này :

Ba xuân nho-nhỏ một xuân tròn,  
Bốn cảnh bằng nhau một cảnh con;  
Hồ rộng thênh-thang ngư lộn ngược.  
Non cao chót-vót điều năm ngang.

*Các bài thơ không có tên người làm*

### MUA QUAN-TÀI

Ba vua, bốn chủ, bảy thặng con,  
Thấm thoát xuân thu bảy chục tròn;  
Ơn nước chưa đền danh cũng hồ,  
Quan-tài sẵn có chết thì chôn;  
Giang-hồ, lãng-miếu giới đôi ngả.  
Bị gậy, cân đai dất một hòn;  
Cũng muốn sống thêm mười tuổi nữa.  
Sợ ông Bành-tổ tổng đồng môn.



## KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

(Hạn lấy 5 chữ đầu bài làm 5 vần)

Bực gì bằng gái chực phòng không!  
Tơ-tướng vì chung một tấm chồng;  
Trên các rờng mây ngao-ngán nhẽ,  
Bên gòai cá-nước ngằn-ngơ trông;  
Mua vui lắm lúc cười cười gượng!  
Bán mệt đời phen nói nói bông;  
Mới biết có chồng như có cánh,  
Giang san gánh vác nhẹ bằng lông.

## NHỚ BẠN CŨ

Muốn hở môi ra những thẹn-thùng,  
Chữ tình ai nữ rứt cho xong;  
Những người trong cuộc nhiều người lạ,  
Mà của trên đời vốn của chung;  
Duyên-phận ngán cho thân thiếu nữ,  
Tài-hoa gãy cả mặt anh-hùng!  
Thôi thôi còn nói làm chi nữa,  
Ghen ghét thêm cho truyện có không,

*Hai bài vịnh sử:*

## VỊNH BÀ TRIỆU-ẤU

Không duyên không kiếp cũng không chồng,  
Cái nợ trần-hoàn cái nợ chung;  
Nhắm mắt rời chân coi tạo-hóa,  
Kề vai vất vú gánh non sông;



Sánh cùng hai gái dòng con Lạc,  
Thương lấy trăm giai giống họ Hồng :  
Mời biết rông tiên dòng-dối tốt,  
Xui ra nhi-nữ cũng anh-hùng.

### VỊNH PHỤC BA TƯỚNG-QUÂN

Trèo non vượt biển tốn bao công,  
Một trận hồ Tây chút vẫy-vùng ;  
Quắc-thước kheo chi mình tóc trắng,  
Cân thoa độ mấy khách quần hồng ;  
Gièm chê đã chán đầy mâm ngọc,  
Công cán ra chi mấy cột đồng !  
Ai muốn chép công ta chép oán,  
Công riêng ai đó oán ta chung.

### BÀI LÀM CHƠI

Đường mây qua lại vó câu giông,  
Chán mặt non sông những thẹn-thùng ;  
Mùi thể thử chơi chừng ấy đủ,  
Cuộc đời đã biết lúc nào xong ;  
Thôi thôi cũng lậy cùng chung-đỉnh,  
Khéo khéo còn rầy với kiếm-cung ;  
Lẻo đẻo diên-viên cam một thú.  
Hoa đào năm ngoái gió cơn đông.

### THÍCH CÂU TỤC-NGŨ

« Ngày xưa anh búng, anh beo,  
« Tay cất chén thuốc, tay đèo múi chanh ;



« Bảy giờ anh khòì anh lành,  
« Anh âu duyên mới anh đành phụ tôi ».

Đắng cay da thiếp khi xanh mặt,  
Mới cũ lòng chàng lúc đỏ da.

### THÍCH CÂU

« Mẹ ơi! con đã có thai,  
« Con ơi! Mẹ cũng được vài tháng nay ».

Mừng mẹ có con, con có cháu,  
Rồi con lên mẹ, mẹ lên bà.

### NHỚ BẠN THÂN

Một chén tỉnh, say, cười, nói khóc,  
Năm canh thức, ngủ, đứng, đi, ngồi.

### THÍCH CÂU CHUYỆN KIỀU

« Duyên em dù nôi tơ-hồng,  
« May ra khi đã tay bông, tay mang ».

Cái thân phận chị đã đành rồi,  
Còn chút duyên em những ngậm-ngùi;  
Dù nghĩa chàng xưa mà vẹn một,  
Âu tình cháu nó cũng hòa hai.

### CẢM HOÀI

Còn nước, còn non, còn vũ-trụ,  
Có giới, có đất, có vua tôi.



### THƠ VOI LẤY VẦN GÀ

Bong bong cồng đánh tiếng xa xa,  
Chẳng phải voi, xin cuộc một gà.

### THƠ CHUÔNG LẤY VẦN UÔNG

Một đàn thẳng ngọng rủ xem chuông,  
Nó bảo nhau rằng ấy cái uông.

« Hai bài này dẫu không hay gì, nhưng cũng có tài  
Tương truyền vẫn ở đời nhà Lê ».

## THỜI VẤN

### ĐỀ ẢNH NGƯỜI CON GÁI BÊN TÂY

Cô nước nào, da trắng, trắng hung?  
Hỏi cô, cô chẳng nói năng cùng!  
Nước đời được mấy người như thế,  
Mới nửa trên mà đã muốn trông.

*Nguyễn Tri-Phủ* : Nguyễn-Kế,

### PHÚ ĐẮC ĐÃ NGÃN CHO ĐỜI LẠI SÓT HOA

“  
Tài thế mà hoa cũng thế à?  
Đau lòng đau lắm nỗi gần xa;  
Giang-hồ đã cảm tình lưu-lạc,  
Son phấn thêm càng phận sót-xa;



Giới đề chi hoài người thế nhi,  
Đời còn ai biết nỗi niềm ta !  
Phen này chạy giầy năm châu đủ,  
Góp lấy vàng chung, đúc lấy nhà.

*Cử-nhân : Lương-quí-Lập.*

---

### ĐÊM DÀI

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò,  
Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?  
Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy,  
Ông già thúng-thắng vẫn đăm ho ;  
Ngọn đèn ngờ trộm khêu còn bé,  
Tiếng chó khinh người cắn vẫn to ;  
Hàng-sớm anh em đã tỉnh chưa ?  
Tỉnh rồi đánh tiếng gọi làng nho,

### THƯƠNG NGHÈO

Cái khó theo nhau mãi thế thôi,  
Có ai, hay chỉ một mình tôi ;  
Bạc dàu ra miệng mà mong được,  
Tiền chữa vào tay đã hết rồi ;  
Van nợ lắm khi tràn nước mắt !  
Chạy ăn từng bữa toát mồ-hôi,  
Biết giầy thỏ bé ra làm quách,  
Chẳng ký không thông cũng cậu bồi,

*Tú-tài Từ-diễn-Đồng*



## TẬP THƠ ÔNG TÚ-XƯƠNG

(Ông Tú tên là Nguyễn-tà-Xương người làng  
Vị-Xuyên (Nam-Định))

### BUỒN ĐÊM DÀI

Sực tỉnh trông ra ngõ sáng oà,  
Đêm sao đêm mãi thế du à?  
Lạnh-lùng bốn bề ba phân tuyết,  
Xao-xác năm canh một tiếng gà;  
Chim-chóc hầy còn nường cửa tổ,  
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa;  
Dù ai có muốn tìm ta đó,  
Đánh đuốc soi lên kéo lẩn nhà.

### KHI TÚNG.

Lúc túng toan lên bán cả giới,  
Giới cười thảng bé nó hay chơi;  
Ô hay công nợ âu là thế,  
Mà vườn phong-lưu suốt cả đời;  
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,  
Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi;  
Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột,  
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi.

### NHỚ BẠN THÂN

Ta nhớ người xa cách núi sông.  
Người xa xa có nhớ ta không?  
Sao dương vui-vẻ ra buồn bã,  
Vừa mới quen nhau đã lạ-lùng;



Lúc nhớ - nhớ cùng trong mộng tưởng,  
Khi riêng riêng cả đến tình chung ;  
Tương-tư chẳng lọ là mưa gió,  
Một ngọn đèn xanh trống diêm thùng.

### VIẾNG VỢ ANH EM BẠN

Kìa núi Vu-phong mới bắc cầu,  
Thương anh về trước, chị về sau !  
Tên đề bảng phấn ai không tiếc,  
Tiếng khóc non xanh kể cũng sầu !  
Có mẹ hãy còn vui gương lại,  
Không chồng hồ dễ sống chi âu ;  
Bắc thang muốn hỏi ông cầm sỏ,  
Thăm-thăm giới xanh ngắt một màu.

### NƯỚC LỤT NĂM BÌNH NGỌ (1905)

Suốt trong một tháng mấy kỳ mưa,  
Ruộng hóa ra ao cỏ dễ bừa ;  
Bát gạo Đồng-nai câu chuyện cũ,  
Con sào Bình-ngọ nhớ năm xưa ;  
Trâu, bò buộc căng coi buồn nhĩ !  
Tôm, tép vang mình đã xướng chưa ?  
Nghe nói miền nam giới đại-hạn,  
Sao không san-sẻ nước cho vừa.

### TRÔNG BẢNG THI

Mai mà tờ hồng, tờ đi ngay,  
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày ;  
Học đã tốn cơm nhưng chưa chín,  
Thi không ăn ớt thể mà cay ;



Bút, nghiên giao mặc đàn con-trẻ,  
Thưag đấu nhờ lưng một mẹ mảy : (cợ buôn gạo)  
Cống-hỉ, mét-sì đây thuộc cả,  
Không sang bên bắc cũng sang tây.

### THƯƠNG NGƯỜI TRÁI DUYÊN

Thương ai mà lại tiếc cho ai,  
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài ;  
Kia cái dĩa-tràng xe cát bễ,  
Mà con chim cú đậu cành mai ;  
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng,  
Nào trắc ba sinh xếp chữ bài ;  
Non nước thề nguyên thôi xi-xóa,  
Quỉ thần nào chứng ở hai vai.

### CÔ TÂY ĐI TU

Dứt cái mảy-day ném xuống sông,  
Thôi thôi tôi cũng mét-sì ông ;  
Âu đành chùa đó âu đành bụt,  
Cũng chẳng con chi cũng chẳng chồng.  
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ,  
Ai ngờ chữ sắc hóa ra không ;  
Tôi đây cũng muốn như cô nữ !  
Cái nợ trần-duyên đã chữa xong.

### HỎI THĂM ÔNG ẤM

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà,  
Trước nhà có miếu có cây đa ;  
Vườn ao đất cát chừng ba thước,  
Nửa lá tre-pheo đủ mọi tòa ;



Mới sáu bận sinh đà sáu câu,  
Trong hai dinh ở đủ hai bà ;  
Lung ông mốch thếch như trăn-gió,  
Ông được phong lưu tại nước da.

### VINH NGƯỜI ĐI THI

Ta thấy người đi ta cũng đi,  
Cũng lều, cũng chiếu, cũng đi thi !  
Đưa chân vợ tốn mười đồng hẵn,  
Sờ bụng thầy không một chữ gì ;  
Ơn nước còn nhờ tặng giải ngạch,  
Phúc nhà may được miễn tràng qui ;  
Xong ba kỳ ấy thêm kỳ nữa,  
Ú ớ u âu ngọn bút chì.

### ĐAU MẮT

Vui chẳng riêng ai ốm một mình,  
Có người, người cũng khéo làm thình ;  
Vừa đồng bạc nhớn ông Lang-Sán,  
Lại mấy hào con chú Ích-Sinh ;  
Gọi vợ, vợ còn đương chạy gạo,  
Tìm con, con cũng mãi chơi đình ;  
Muốn mù giới chả cho mù nhĩ,  
Dương mắt coi chi buổi bạc tình.

### CHƯA MAY ÁO

Bức sốt như mình vẫn áo bông,  
Ngỡ rằng ốm dậy chả là không ;  
Một đàn rách-rưới con như bố,  
Ba chữ nghêu ngao vợ chán chồng ;



Đất chữa đến khi cơn vận đỏ,  
Giời làm cho bỏ lúc chơi ngông;  
Gần chùa, gần cảnh ta tu quách,  
Cửa phật quanh năm sẵn áo sồng,

### CƯỜI MÌNH

Chẳng phải quan, mà chẳng phải dân,  
Ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn hóa ra đàn;  
Hầu con chè rượu ngày sai vật,  
Lương vợ ngô khoai tháng phát đàn;  
Có lúc vênh râu vai phụ-lão,  
Cũng khi lên mặt dạng văn-thân;  
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ,  
Lâu để mà xem cuộc chuyền-vần.

### RƯỢU SAY

Đời này thức tỉnh những ai đây,  
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say,  
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,  
Dở mồm nào biết giọng là cay;  
Bạn cùng quỉ rầy chi cho bạn,  
Vui mấy ma men thế cũng hay;  
Ngất-ngửng hai tay vợ đũa chén,  
Đố ai chánh được cái say này.

### GIỜI HÒM

Mặt giới đã gác quăng đường xa,  
Lững thững non sông chữa đến nhà;  
Muốn bước, xa chân toàn đất khách,  
Hỏi thăm, lạ mặt những người ta;



Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ,  
Tiếng dế vo-ve rọng thiết-tha ;  
Ngành lại thử xem giới đất tí,  
Tối lâu lâu cũng sáng dần ra.

### TẶNG NGƯỜI VAY NỢ SU KHÔNG ĐƯỢC

Ông bắm ông ăn đũa trọc đầu,  
Đầu không có tóc bắm vào đầu ;  
Nghĩ mình nghiện nặng cho nên kiết,  
Đánh nó ăn chay ý hẩn giàu ;  
Một vốn bốn lời mong có lãi,  
Năm liều bảy lĩnh cũng không cầu ;  
Thế mà không được buồn cười nhĩ,  
Không được thì ông lại xuống tàu.

### ĐUA CHO BẠN TRONG NHÀ PHA

Cái cách phong lưu lộ phải cầu,  
Bỗng đâu gặp những chuyện dàu dàu ;  
Một ngày hai bữa cơm kề cửa,  
Nửa bước đi ra lính phải hầu.  
Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt,  
Ban công ba chữ gác ngang đầu ;  
Nhà vương thông-thả năm chơi mát,  
Vùng vẫy tha hồ thế cũng âu.

### LẠC ĐƯỜNG

Một mình giữa đưng quăng đường xa,  
Có gặp ai không dễ đợi chờ.  
Nước biếc non xanh coi vắng-vẻ,  
Kẻ đi người lại dang bơ vơ ;



Gọi người chỉ thấy mây xanh ngắt,  
Đợi nước càng thêm tóc bạc phờ ;  
Đường đất xa khơi ai mách bảo,  
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.

### ĐÊM BUỒN

Giời không chớp bể mây mưa nguồn,  
Đêm nào đêm nao tứ cũng buồn :  
Ngủ quách, sự đời thấy kẻ thức,  
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

### CHỮ NHO

Nào có ra gì cái chữ nho,  
Ông Nghè, ông Cống cũng nắm co ;  
Ước gì đi học làm thầy phán,  
Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò.

### ĐỔI THI

Nghe nói khoa sau sắp đổi thi,  
Các thầy đồ cổ, đồ mau đi ;  
Dầu không bia đá, còn bia miệng,  
Vất bút lông đi, dặt bút chì.

### CÔ LÁI BUÔN

Nước buôn như chị mới ăn người,  
Chị thấy ai thì chị cũng cười ;  
Chiều khách quá hơn nhà thờ ế,  
Đặt hàng như thể món tôm tươi ;



Quanh năm ngày tháng đều như một,  
Bè-bạn chơi bời cũng chịu lui;  
Còn một nước buôn này cũng lạ,  
Buôn buồn bán mệt lũ anh đuổi.

### VỊNH CÔ ĐÀU

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,  
Cùng nhau đàn-díu mấy đêm nay;  
Năm canh to nhỏ tình ma chuột,  
Sáu khắc mơ-màng chuyện nước mây;  
Êm-ái cung đàn chen tiếng hát,  
La-dà kể tỉnh dặt người say;  
Thú vui chơi mãi mà không chán,  
Vô tận kho giờ hết lại vay.

### VỊNH NGƯỜI GÁI HÓA MUỐN KẾT DUYÊN MỘT NGƯỜI TÀI-PHÚ

Tôi thấy người ta có nói rằng,  
Nói rằng: thẳng cuội ở cung giăng;  
Vùng giờ chi thiếu nơi thanh-qui,  
Dì nguyệt dung chi đưa cục-cần.  
Ngồi gốc cây đa, đa mọc rễ,  
Thò chân xuống giếng, giếng ai ăn;  
Ai ngờ người thế mà ra thế!  
Ra thế thì ra thế cũng sáng.

### VIẾNG CÔ KÝ MẤT NGÀY MỒNG HAI TẾT

Gái tơ đi lấy làm hai họ,  
Năm mới vừa sang được một ngày;  
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ,  
Ông chồng thương đến cái xe tay,



### NGỤ MÌNH

Giời đất sinh ra thực lắm nghề;  
Làm thầy làm thợ, lại làm thuê.  
Đố ai mà được như ông nhỉ?  
Sáng vác ô đi, tối vác về.

### NHÀ HÁT TUỒNG

Nào có ra chi một lũ tuồng,  
Cũng hò, cũng hét cũng y-nông;  
Dẫu rằng dối được đàn con trẻ,  
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn,

### ĐƯỢC ĐỒNG TIỀN

Bước chân ra cửa được đồng tiền,  
Chả phải tiền đâu được tự nhiên;  
Mới biết vua ta là lắm của,  
Tên đề Tự-Đức hãy còn nguyên.

---

## TẬP VĂN

---

### BÀI PHÚ DẪN ĐỜI

(Bài giảng bút bà Tiết-phụ làng Hoàng-mai)

Giời đất cao dày, con tạo vắn soay, ơn vua  
nhờ thánh, sinh được hội này, ai đều được nức  
lòng nức dạ, ai chẳng mong mở mặt mở mày.  
Hậu giả hậu lai, ở hiền lại gặp lành, mới biết  
tre già măng mọc; ác giả ác báo, ăn mặn thì



khát nước, khác nào cây yếu gió lay. Trách những người thịt bắp vai u, đường lui tới, nhẽ thiệt bon, ở chẳng trông sau trông trước; nào những kẻ mặt to tai nhọn, trí tang-bồng, duyên hồ-thỉ, đi cho biết đó biết đây. Đương cơn binh địa ba đào, có chí làm quan, có gan làm giàu sao chẳng khoe khôn cậy khéo; gặp lúc cơn đen vận tưng, có mồm thì cắp, có nắp thì đây, cũng nên giả dại làm ngây. Cửa bụt mất một đèn mười, xin chớ ăn chay nói dối; nam vô một bồ lấy bốn, thà rằng ăn mặn nói ngay. Ngẩn cảnh với chẳng đến giờ, tri thiên tài ngu, vòng danh lợi tranh đua thêm ngán nỗi; ra tay gạo xay ra cám, văn hay vũ mạnh, buổi kinh-luân, vũng-vầy cũng ghê thay. Bò của chú chú phải lo con vua vua giấu, con chúa chúa yêu, tình ân-ái chẳng nhằm chẳng lỗi; đèn nhà ai nhà ấy rạng, của anh anh mang, của nàng nàng xách, nợ phong-lưu nơi giả nơi vay. Chị em ơi! lấy chồng cho đáng tầm chồng, cho bỏ lúc nghiên phấn sáp, lúc áp hoa hương, hai chữ cương thường sao cho xứng đáng; quân tặc nhĩ! lấy vợ chỉ biết mặt vợ, chẳng nhớ ai bế anh-nhi, ai bồng xích-tử, ba năm chứng nước bao quản đắng cay. Có cha có mẹ như đàn có dây, đạo mẹ đực cha, bề rộng giới cao phải quý; thuận vợ thuận chồng, bề Đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ, nguồn ân bề ái khôn tầy. Chị ngã đã có em nương, máu chảy ruột đau, lá rách lá lành dùm bọc; cha sinh không tầy mẹ dưỡng, áo dầy



com nặng, công nuôi công dạy đêm ngày. Một cây chẳng nên rừng, đông có mây, tây có sao, đông đúc anh em mới qui; mười voi không bắt sáo, kẻ nói thánh, người nói tướng, chớ nghe miệng thể thêm rầy. Lúc vui bày chén chú chén anh, rước voi về dầy mồ ai chết mặc ai, ra sức nay bàn mai cuộc; khi cấp nạn chân le chân vịt, xit chó vào bụi rậm, chú chết mặc chú tìm đường cao chạy xa bay.

Người Hà-nội, khách Sơn tây, những tiếng thi phi, cũng lắm kẻ khôn người đại; gái giang hồ giai tứ-chiến, mặc ai ngang dọc, tha Lồ kẻ bắc người tây. Trẻ chẳng tha, già chẳng thương, ở chẳng phòng xa, vượt mặt không nề mũi, cha cũng kính, mẹ cũng vái, đi đâu mà thiệt, sảy vai xuống cánh tay. Mưa bao giờ mát bấy giờ, kia những lúc rét cắt ruột, lúc đói nhăn nanh, vận đến nơi đâu khi rách-rười; gió chiều nào che chiều ấy. hãy cho nó qua thì đói, nó khỏi thì nạn, thế nào cũng được bữa no say. Báng dầu thẳng trọc, không nề đầu ông sư, cứng cổ cứng đầu ai sá những phường ngu-dại; vắng mặt thẳng ngô, lúc có mặt ông sư, sắp mảy sắp mặt vẫn nghe nhời nói xưa nay. Giặc bên ngô, cô bên chông, liệu gió giở cờ, đường cư-xử sao cho trọn- vẹn; cháu bà nội tội bà ngoại, vì cây dây quẩn nhẽ phải chẳng nào dám đổi thay. Giầu đâu ba Lọ, khó đâu ba đời, đói cho sạch, rách cho thơm, cứ giữ công-bằng cho phải đạo, sống người một nết,



chết người một tật, mẹ sinh con, giới sinh tính, há rằng số phận có ưa may. Thiếu gì kẻ đại người hay, ai là người dạy-bảo, ai đem đạo mở-mang, có nhẽ cha chung ai khóc; nhẩn-nhủ giai lành gái tốt, phải nên để vào lòng, phải nên chôn vào dạ, chớ hề mẹ hát khen hay.

### BÀI PHÚ THẾ TỤC

(Năm Minh-Minh thứ 14, người làng An-ninh, huyện Vinh-thuận (nay huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông), thầy thuốc Trần-văn-Nghĩa soạn).

Gớm thay thế tục! gớm thay thế tục! nước chảy bến mê, gió hun lửa đục. Suối liêm mấy kẻ dầm-đĩa, đường lợi nhiều người chen-chóc. Có trung-hậu cũng là trung-hậu bạc, nào đoái hoài những phường khố rách áo ôm; chẳng nhân nghĩa gì hơn nhân-nghĩa tiền, phải chiều-chuộng những kẻ tiền trăm bạc chục. Mập-mờ khôn cháo, bà lão chôn kim; giáo-giở lừa nhau, vũ thần miếng mọt.

Khi được thế đất nặn nên bụi, nghe hơi khá sấm-sấm len bước tới, đen ngõ đàn ruồi; lúc sa cơ rỗng hóa ra tôm, xem chiều hèn thên-thề vẫy tay ra, nhạt như nước ốc. Chả biết ăn cây nào rào cây ấy, thấy bở thì đào; chả biết mất của ta ra của người, cứ mềm thì đục. Khó giữa chợ chả ai thềm hỏi, chẳng mua thù bán dữ cũng thờ-ơ; giàu trên rừng có kẻ đi tìm, không ép dấu nài thương mà đạo-giục.



Mềm lưng uốn gối; tói tở đồng tiền; mồm miệng day tay, thể thần bịch thóc. Lạ buông thả bán buôn chả quản, quen lèn đau càng giáo giở đầu thặng; giàu nề-nang giật mươn không nề, khó kéo đến lại kéo cừ lãi gốc. Đến gánh nặng, thật hần hơi đón rước, miệng thơn-thớt ngọt như mía nường, đuôi gà khua cá tung-bưng; lại tay không; nào nhìn-nhỡ ử-e, mặt si-sị nặng ngổ đá đeo, mắng chó chửi mèo eo-óc. So kè chẳng sợ tiếng bon-chen; thờ lợ lại ghê gan hiềm-hóc. Miệng ngọt nhạt của anh như của chú, thương gì, thương cái cóc khô; tiếng đái-bôi con chị giống con em, trọng gì trọng con rùa mốc.

Đá đưa đầu lưỡi, tinh những chương-hoàng; sắp ngựa bàn tay, rất màu phản-phúc.

Cũng khoe-khoang kẻ trượng phu từng; cũng khùng khỉnh người quân-tử trúc. Gả bán so từng gốc rạ, kém lưng dành cần móng tay; bạn-bè độ những lá gan, hờ cạnh chẳng lia tơ tóc.

Nào từng biết phải biết chẳng; muốn những vừa chao vừa súc. Thấy người sang muốn bắt quàng làm họ, thuyên đua bánh lái cũng đua; làm kẻ khó muốn đánh độ mấy giàu, cúc mọc tia-tô cũng mọc. Chẳng nói nên bởi nổi tay không, chẳng cứ đến bởi chung đầu trọc.

Khó dành phận khó, bèo đã biết thân bèo bèo đầu dám chơi trèo, ai dễ thương ai, ốc chả nổi mình ốc, ốc đầu mang được cọc.



Chỗn nghĩa-nhân nhạt-nhẽo hững-hờ; nơi tài lợi mẫn mà sẵn-sóc. Làng tương địa bán ruộng chung thiên-hạ, chỉ tay hồ, chỏ tay long; bợm cầu duyên, buôn tiền xấu thế-gian, nghĩ mình vàng khoe mình ngọc. Vụng kiếm ăn thì chề sắc như vờ; khéo lừa-đảo lại khen khôn có nọc, Trong cúi-luồn năm dạ mười vàng; ngoài uốn-éo ba lừa bảy lọc. Kẻ xuất gia đắp toan buôn cả bụi, tu gì mà tu, tu mu, gã nhập môn toan những lật cả thầy, học gì mà học, học chọc. Ấy thế mà gấp-ghé đứng tòa sen; ấy thế mà đua chen nhằm áo vóc. Cũng có kẻ mượn quỷ thần kiếm lễ, khua mõ tay, dối bà cô ông mãnh dùng-dùng; cũng có người mượn nàng di lấy tiền, che quạt miệng, nói kẻ khuất người còn song-sóc. Nhời vô sự bất trách biếng tai nghe; chữ vô vật bất linh qui miệng đọc.

Bói võ-vẽ vài câu truyền khẩu, cũng mang hòm kiếm vật, chưa thông quẻ chiều quẻ cộng (1) cũng xem; thuốc mập-mờ mấy vị nhập tâm, cũng sách túi chạy dong, chưa rõ con bễ con hiền (2) cũng bốc. Chúc sinh-nhai như thế có ra gì; nghề học-thuật nghĩ mình là chín nục.

Sao chả biết cầm đuốc soi cho kỹ, nét thực-thà hơn nét văn-hoa; ăn mắm ngấm về sau, đường ngang thẳng hơn đường gai-góc.

---

(1) Bói, quẻ kiến thi nhâm ra quẻ chiếu, quẻ tôn thi nhâm ra quẻ cộng.

(2) Thuốc, con tì thi nhâm ra con bễ, con thận thi nhâm ra con hiền.



Kẻ có nhân mười phần chẳng khó, có chí mà buộc cổ mèo treo cổ chó, lần-thần lần-thần; người biết lo bằng kho hay làm, can chi mà tham con riếc tiếc con rô, cù dù cùc-dúc. Chẳng thấy người mua lừa bán đảo, bốc tay sốt đổi tay nguội, sung-xương bao ngày; chẳng thấy người ăn sồi ở thì, vào cửa mạch ra cửa tà. Khá hay mấy lúc. Thương người ấy là thương mình; làm giàu sao bằng làm phúc.

Chú khi ni mi khi khác, gọi là cú có vợ mừng, ăn miếng chả giả miếng bùi, chớ để ta cười người khóc. Giàu về vợ sang về bạn, nhất kiến như cừu thức, giấy mỏng sân-siu; đông có mây tây có sao, cừu đại hơn ngoại nhân, rách lành dùm bọc.

Tốt lời sao bằng sáu đều; gốc đàn còn hơn khôn độc. Miễn được áo ba manh, cơm ba bát, mặc dầu thủng-thỉnh thung-thỉnh; nào ai giàu ba họ, khó ba đời, lọ phải thoi-moi thóc-móc. Thông-thả nên xem trong sách, gấm cổ nhân đặc thất để mà suy; nôm-na gọi phép mấy nhời, khuyên tử đệ ngôn hành cho kiếm thức.

---

### BÀI DẶN CỜ BẠC

Gớm thay cờ bạc! gớm thay cờ bạc! chẳng ớt mà cay, như sung càng chát! bỏ bả nhau bằng con bài, đánh cạm nhau bằng đĩa bát. Có không không có, như chuyện chiêm-bao; khôn đại đại



khôn, lừa nhau mũi mác. No cơm có lúc rồi nghề ; quăng mỡ bày trò đồ-bác. Một trăm hai mươi quân trận trận, ba hàng ngang dọc đảo-diên ; bốn đồng mười sau chữ rành rành, hai mặt âm dương sô-sát. Trước chơi sau thực, mon-men gần đến chuyện ăn thua ; vào nhỏ ra to, kỳ cục mãi ra lòng bạc ác. Được lúc hòn son đeo khố, ừ không thập-hồng bạch-dịnh, chờ nọc lên chi này dưng-dưng ; dương khi đầu rảnh giắt lưng, nhớ tin cặp-lệch ba-bay, theo lối trùng khuôn rền chan-trát. Trước mặt để đồng tiền sù-sụ, hỏi lòng mặc sức ba-hoa ; trong lưng mang túi bạc kè-kè, béo mỡ tha-hồ phân phát.

Của ngon vật lạ, đưa đến như mưa ; bạc đón tiền đưa, khát hơi như giác. Nào những chú cao lâu tìm đến, sùm quanh mời công-tạo bi-bô ; nào những cô hàng sáo rú về, tán mản chuyện nhân-tình kia khác. Chắc hẳn giỡ nhà về thối, tưởng lăm-lăm những bụng ăn người ; biết đâu phá đụn đi xin, chơi mãi-mãi có khi bỏ xác.

Đến lúc họa lai thần ám, bài xoay quanh bỏ chực bỏ ừ ; phải khi vận bĩ quỉ trêu, bạc đuối nước càng thua càng khát. Xóa cuộc này bày cuộc khác, đen lại hoàn đen ; đổi phần nợ bỏ phần kia, nát thì cũng nát.

Quá tay nên nổi nợ nần ; nóng mặt tìm đường gỡ gạc. Vơ cào vơ cấu, lãi mấy cũng ừ : lĩnh già lĩnh non, của ai cũng chạc.



Hàng-sáo gập phải tay nanh-nọc, giở đầu bò võ tuột cũng không xong; nặc-nô giây phải lữ du-côn, sẵn móng lợn chạy bừa mà chẳng thoát. Khi mới phải chốn nằm số nhà, khi mới phải lủi trên số gác; khi mới phải bán cửa bán nhà, khi mới phải cố đồ cố đạc.

Lo đến nợ bòn chòn mất ngủ, đặt xuống nằm thì lại giật mình; nghĩ đến tiền ngao ngân quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc chạc. Vợ con cũng hết lòng thương; bè bạn cũng ra tình nhác. Mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lẳng-nhăng; hại thân hại đời, chót đại hóa ra người ngờ-ngác. Thế mới biết ngòi vào đám bạc, già không thương trẻ, thẳng cũng như ông; thế mới hay lâm đến đồng tiền, con chả từ cha cháu không tha bác. Cao hạ bằng đẳng, lão-cáo ào cào; cốt nhục tương tàn, sác-sơ sơ-sác. Nghĩ đến chữ tham tài nhi tử, kẻ máu mè thôi chót đại thì chừa; nhớ đến câu đương cục giả mè, người trông thấy phải giữ-gìn cho giát.

### TẾ TRẬN VONG TƯỚNG SĨ

(Quan Tiền quân Nguyễn-văn-Thành đứng tề đời vua Gia-Long ta. Tương truyền: đọc xong bài văn tề ở đàn bên sông, thì cạn hết ba tuần rượu mà dưới sông có tiếng khóc ba quân. Quan Vũ-Lượng soạn)

Than ôi! Giời Dỡn-phổ vụn ra Sóc-cảnh, chải mấy phen dan khổ mới có ngày rầy; nước Lô hà



chạy xuống Lương-giang, nghĩ những kẻ điều-  
linh kể từ thừa nọ. Cho hay sinh là ký mà tử  
là qui; mới biết mạnh ấy yếu mà danh ấy thọ.

Xót thay! Tình dưới viên mao, phận trong  
giới trụ. Ba nghìn hộc con em đất Bái, cung tên  
ngang dọc chỉ nam-nhi; hai trăm vây bờ cõi non  
Kỳ, com áo nặng dày ơn cứu chủ.

Liều thân cho nước, son sắt một lòng: nổi  
nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-dịch bước sang miền khách  
địa, hăm-hở mài nanh rửa vuốt. chỉ non đoài  
thề chẳng đội giới chung; kẻ thời tránh vết mao  
giở lại chốn sơ-cơ, dập-diu vượn cánh giương  
vây, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nắm gai nếm mật, chung nổi ân-ưu; mở suối  
bắc cầu riêng phần lao-khổ.

Trước từng trái Tiêm-la, Cao-man về Gia-định  
mới dần ra Khánh, Thuận, đã mấy buổi sơn  
phong hải lễ giới Cao, Quang soi tỏ tấm kiền-  
trình; rồi lại từ Đồ-bàn Nam-ngãi, lấy Phú xuân  
mà thẳng tới Thăng-long, biết bao phen vũ pháo  
vàn thê, đất Lũng, Thục lã vào nơi hiểm-cố.

Phận truy-tùy găm lại cũng cơ-duyên; trường  
tranh đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cờ trong  
trận, sót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông  
hồng theo đạn lạc tên bay; kẻ thời bắt mũi



thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay  
phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc  
bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền mệnh mạt, mịt mù  
gió lốc, thổi dẫu tha hương; mặt chinh-nhân khôn  
vẽ nét gian-nan, lập-lòe lửa chơi, soi chùng cổ-dộ.

Ôi! cùng lòng trung-nghĩa, khác số đoản tu,  
nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo  
kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả  
đến hình-hài; những là khen dạ đá gan vàng,  
bóng bạch-câu xem nửa phút như không, thù  
dây dọi cũng cam trong phế phủ.

Phận dù không các khói đài mây; danh đã  
giấy ngàn giâu nội cỏ.

Tiếc vì thừa theo cờ trước gió, thân chả quản màn  
xương đệm giá, những chờ xem cao thấp bậc  
cân thường; tiếc cho khi nhớ bước giữa dòng,  
kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít  
nhiều ơn vũ lộ.

Vâng Thượng đức hồi loan tháng trước, đoàn  
ứng nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cũng  
vậy, đội ân quang deo khắp xuống đèo ngang;  
mà những người từng thượng trận ngày nay,  
dấp tấu công từ ngộ, vị, thân, dậu đến giờ, treo  
tính tự để nằm sau lá sỏ.



Ngon cỏi dức nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp  
trống đồn hoa, chốn tươi chốn ủ. Đã biết rằng  
anh-hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường  
oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không;  
nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô tình, ngàn năm  
một hội tao-phùng, phận thủy có phận chung  
sao chẳng có.

Bản tước nay, vâng việc biên phòng, chạnh  
miền viễn-thú. Dưới trướng nức mùi trung vạc  
sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh; trong  
nhà rở vẻ áo xiêm, chệnh nghĩ buổi tắm cừ  
hong trước gió. Bâng-khuâng kẻ khuất với người  
còn; tưởng-tượng thày đầu thì tở đó.

Nền phủ định tới đây còn sốc-nổi, ngụ lòng  
một lẽ, chén rượu, thoi vàng; chữ dữ-đồng  
găm lại vốn đình-ninh. khắp mặt ba quân, cớ  
đào áo đỏ. Có cảm thông thì tới đó khuyên mời  
dù linh thỉnh nghe nhời dạy-dỗ.

Trường chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng,  
cũng chớ nề kẻ trước, người sau, hàng trên,  
lớp dưới, khao hưởng rồi, sẽ tấu biển dương  
cho; hội thặng-biạh đừng có nghĩ rằng không,  
dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ hóa, con côi, an  
tập hết cũng ban tồn tuất đủ.

Hồn-phách đầu đều ngày tháng Thuấn, Nghiêu;  
hài-cốt đó cũng nước non Thang, Vũ.

Cơ huyền - diệu hoặc thặng chằm chưa rõ,  
thiênng thời về cổ quận, đề hương thơm lửa sáng



kiếp tái sinh lại nhận cử tiền quân; miền tôn thân dù sinh tử chớ nề, thiêng thì giúp Hoàng-triều, cho bề-lặng sông-trong, duy vạn kỷ chữa rời ngôi bảo-tộ.

Thượng-hưởng !

BÀI VĂN TẾ QUAN PHÙ-MÃ NGUYỄN-VĂN-TÍNH VÀ QUAN THƯỢNG-THƯ NGÔ-TÔNG-CHU

(Đời vua Gia-Long, hai ông bị quân Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ vây ở thành Bình-định, một ông uống thuốc độc, và một ông đốt cháy chết).

Than rằng : Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng dải dạ chung-thành; đứng anh-hùng vì nước quên mình, biển dâng dám lay lòng tiết-ngĩa. Ngọc dù tan vẻ trắng nào phai; trúc dầu cháy, đốt ngay còn để.

Nhớ hai người thao lược ấy tài, kinh-luân là chí, giúp vạc Hán thừa ngôi giới chéch lệch, chém cây đuôi lũ hung tàn; vén xe Đường khi thế nước chông-chênh, kẻ bút ra tay kinh-tế.

Nói nghĩa sánh duyên các tia, bước gian nan từng cây dạ khuông-phù; nần kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã dành lòng uỷ-ký.

Hậu quân thừa trao quyền tứ-trụ, chữ ân-uy hơn nhỏ đều phu; Lễ-bộ phen giúp việc chính khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.



Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chỉ tiêm cừu đả h  
đãi xuống tam quân ; trong thành lòng dạ chia lo,  
bề ưu quốc đã thấu lên cừu bệ.

Miền biên khồn hai năm chia sức giặc, vững đạo  
tôi chỉ quản thể là nguy ; cõi Phú-xuân một trận  
giây uy giới, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

Sửa mũ áo lậy về bắc-khuyết, ngọn quang minh  
hun nát tấm trung can, chỉ non sông đã mấy cô-  
thành, chén tân-khồ nhấp ngon mùi chính-khi.

Há rằng ngại một phen thử thạch, giải trùng vi  
mà tìm tới quân vương, bởi vì thương muôn  
mệnh tì hưu, thì nhất tử để cho toàn tướng sĩ.

Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, ân tín xưa  
người bộ khúc đau lòng ; bóng tinh-trung thấp  
thoáng dưới đèn, uy-nghi cũ kẻ liêu-băng sai lệ.

Cơ dân-địch kíp chầy' đánh hện buổi, sót tướng  
doanh sao vắng mặt thân-huân ; phận truy-tù  
gang-tắc cũng đèn cọng, tiếc nhưng mạc bồng-thiệt  
tay trung-trí.

Nay gặp tiết thu, bày tuần úy tế.

Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn hoa  
cùng thỏa chốn u-minh ; ngàn thu quang nhạc khí  
thiênng, giúp mao việt để mở nên bình trị.

---

### GIẢI PHÚ

(Quan Phó-báng Phạm-văn-Ái người làng Đông-tĩnh,  
tỉnh Bắc-ninh soạn).

Uầy kia ai, vô hình vô chừng, tất-ta tất-tối,  
mắt nét ngung-ngang, ra điều khẳng-khái. Ý giận



kẻ độc-phu đông-ngược, tiếc cơ đồ mà giả cách  
ngần ngờ; hay quen phường đồng quán vui chơi,  
mảng phong cảnh mà nên chiều mê mải

Bởi vì chung, lúc thoát bầm sinh, khi vừa ngang  
ngái, giới già lẫn-cần, phú tinh nhằm mà điều chí  
bỏ khuấy đi; bà mụ vụng về, nặn hình xấu mà con  
tâm vè tit lại.

Khiếu vốn hẹp-hòi, nghĩ không thông thái, mọi  
việc mọi sai, động làm động lỗi

Ăn không trông nôi, ngồi không trông hương,  
biết đâu chê sắp mặt chi cây; chơi chả lựa đôi,  
ở chả lựa nơi, coi chẳng khác kẻ môn chi mối.

Bát sát Thiên-lôi chi nói, léo-nhéo như mỡ réo  
quan viên; lục lẳng bát giác chi đi, lật-đật như  
sa vật ông vải.

Sắng cả mọi điều, dở nào một cái, đi buôn thì  
buôn buồn bán người ngậy, đi cấy thì cấy nhằm  
đôi luống lại, đi gánh thì giở vai quầy trước họng,  
lủn-củn chi sư-tử cụt đuôi; làm thợ thì mang  
nặng thở hơi tai, hồng-học chi kỳ-lân cần quái.

Thuốc thì chấp hàn, ôn, bình, nhiệt, bạ gì bốc  
ấy, đến chết hãì còn khoe; bói thì quen đan, sách,  
trùng, giao, gieo đoạ đoán liền, rằng nhằm mà  
vãn cãi.

Giở nghiệp học-hành, hư thân trẻ-nải, viết chữ  
xấu mà không thèm xem thiếp, gà bới bếp chi  
dọc ngang; vắn làm dài mà chẳng rút vào khuôn,  
chó chạy đường chi nhớ-nhái.



Cái học học nhằm, cái may may đại.

Khi thi vớ vài câu cũ rích, biết trùng kiến là điều có tội, mà một chữ bẻ làm hai, làm ba không đổi, cầm đầu viết cố chẳng gìn tay; khi đồ vay ít bạc tiêu hoang; biết bội hoàn là cái lệ thường, mà một đồng lãi ra năm, ra bảy chẳng nề, nhắm mắt chơi liều không sợ lãi.

Ngần nào là mê kiêu mê cờ; ngần nào là nghiện thuốc nghiện sai.

Ngần nào là chiết rượu đánh đồ chứa chan; ngần nào là uống chè bỏ rơi vương-vãi.

Đánh bạc những mắc tiền màn, quay cựa, cổ dằn quần lĩnh áo the; đi chơi phải lừa thuốc ngái, bùa-yêu, bán hết ruộng trâu nái.

Lại lúc vác dùi chầu thùng-cắc, tai ngọt câu thơ câu thỏng, chết mê chết mệt mấy cô đầu; lại khi lỏng đèn bóng tò-mò, lòng ham chiều lịch chiều thanh, hết ruột hết gan cùng bọm gái.

Trước đành trẻ chưa biết nghĩ, thùng chàm ấy đúng rồi; nay sao già chả chót đời, áo toi kia khoác mãi.

Thôi thì kiếm thuốc chữa dần, tìm thầy cúng vái, hoặ: số trước mệnh viên có kém, phải tìm sao thai mộ tiên đưa; hay ngôi xưa tiêu-oánh làm nhằm nên tìm đất cần khôn đề cải.

Miền sao cho trước đại như bò; rầy khôn như nhái.



Nói dẫu ra đây, ai cũng tin nghe; làm ấy điều nên, người cùng kinh dãi.

Dẫu gặp đũa thiên tinh địa quỷ, chưa dễ bán mà ăn; dù vào nơi vạn tử nhất sinh, đi đâu không chút ngại.

So họ nịnh không thua đỉnh chút, chải khi bình khi loạn cũng điều yên; đến thầy Cang còn kém vài phân, gồm việc nước việc nhà đã hết phải,

Đề cho khách trong đời khen tặc tặc, khôn thể mới khôn; bao nhiêu điều ngày cũ sạch láng láng, đại gì mà đại.

### BÀI PHÚ THÀY ĐỒ ĐI TRỢ

(*Lây vân trợ nhà cô Quán Kinh*)

Quán bát kiến, núi Đọi đặng kia, sông Lê bên nọ; có một thày đồ hề kỳ mũi lỗ; nón dứa giầy da, áo lương, quần lụa; giọng pha Nguyên-mặc, bài truyện, bài kinh, hơi luyện Đường-nhân, câu thơ câu phú; gặp hội phong-vân long hổ, nhà nước mở khoa, giở nghề bút nghiên văn-chương, thày đồ đi trợ.

Trợ ở đâu à? rằng ở tỉnh nhà, mặt rửa chi chậu thau bể đá, dít ngồi chi chường kỷ ghế hoa, phong lưu quen thói thị-thành, chốn thanh-lich dãi người thanh-lich, nhà cửa quanh năm vắng vẻ, mẹ đàn-bà con cũng đàn-bà; sự vui được chốn thanh nhàn, tiếng thì mặc tiếng, chủ cũng yêu người văn-tự, ta lại gặp ta.



Ư thị, mượn cái đĩa ngô, bày trăm cau khô ;  
viết : tôi anh đồ, xin trọ nhà cô ; gánh tú sách,  
quầy hòm đồ ; này khăn này áo, này thày này  
trò ; sẵn sàng nước rót cơm bung, ba đồng một  
tháng, bè-bệt rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đôi  
hồ ; tường đông ai khéo xoay-vần, mắt Kim-  
Trọng đôi bên ngấp-nghé, cửa sổ gió đưa phấp-  
phới, đàn Tương-Như mấy khúc nhỏ to.

Phù dĩ ; hương lửa gần quen, tâm hơi chẳng  
quản ; một dây một dây, nên bầu nên bạn ; thày  
đồ nghe cũng cứng, gắng sức dùi mài ; nhà chủ  
mở ngôi hàng, ra tay buôn bán.

Mấy quyển tân thanh chi truyện, đọc lại thêm  
vui, vài thiên Trịnh Vệ chi âm, ngâm mà chẳng  
chán.

Khởi bất dĩ, cô thời buôn bán, tôi thời học-  
hành ; nhời ăn tiếng nói. nấu sủ sôi linh ; ngày  
sáu khắc, đêm năm canh ; say vì nết, mệt vì tiab ;  
dù ai dạn ngọc thề vàng, giới cao bề rộng, mặc  
kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát giảng thanh.

### BÀI PHÚ HỒNG THI (Ông Tú Xương)

Đau quá đòn ghen, nóng hơn lửa bỏng ; hồ bút  
hồ nghiên, túi lều túi chõng ; nghĩ chữ nam-  
nhi đặc chí, thêm nổi thẹn thùng, ngâm đến câu  
quyền thổ trùng lại, nói ra ngấp-ngọng ; thế mới  
biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói  
thế mà thiêng, nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài  
Bảng-nhỡn, Thám-hoa nhỡ ra cũng hồng.



Có một thầy, dốt chả dốt nào, chữ hay chữ lỏng; nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu hay hát hay chơi, hay nghề xuống lỏng; quanh năm phong-vận, áo hàng tàu, khăn lượt, ô Nhật-bản xanh, ra phố sênh sang, quần cát bá, tất tơ, giày Gia-dịnh bóng; giá cứ chăm nghề đèn sách, thi mười lăm mười sáu; đỗ tự bao giờ, chỉ vì quen lối thi-thành nên một tuổi một già, hóa ra lỏng-đóng. Tú dốt bảng giữa năm Giáp-ngọ, nổi tiếng đầu trò, con nhà nghề ở đất Vị-xuyên, ăn phần cỗ lọng.

Năm vua Thành-thái mười hai, lại mở khoa thi Mỹ-trọng; kỳ đệ tam văn đã viết rồi; bản-đệ tứ chữa ra còn ngóng; thầy chắc hẳn văn chương có mực, mượn khách xem dò, cô mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng; sáng đi lễ phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong, đêm dậy vái giời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ bảng nhỏ có tên, ngoại hàm còn chổng; kẻ đến sáng văn còn được chấm, bảng cót nghênh-ngang, người ngồi khuya tên hải được vào, áo dài lưng-thụng. Thi là thế, học-hành là thế. Tri-kỷ cùng ai, người ở đây hồn phách ở đâu, than thân mấy bóng.

Thôi thi thôi, sách vở mập-mờ văn-chương lỏng-ngóng; khoa trước đã chầy. khoa sau hẳn chổng; ý có kẻ lo-toan việc nước, vua chữa dùng tài, hay thiếu người dạy dỗ đàn em, giời còn để học.



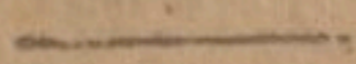
## BÀI PHÚ THÀY ĐỒ DẠY HỌC

(Ông tú Xương)

Thày đồ thày đặc, dạy học dạy hành; vài quyển sách nát, ba thặng trẻ ranh; văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng thắm, vũ có giỏi thì ra giúp nước, khố đỏ khố xanh; chắc hẳn thày văn dốt vũ dát, vả lại vừa gàn vừa dở, vậy nên thày lẩn-quần loanh-quanh.

Xem thày, con người phong-nhã, ở chốn thị-thành; râu dậm như chồi, đầu to tây dành; đã lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo, cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh. Nhà lính tính quan, ăn dặt những thịt quay nạp-xương, mặc dặt những quần vân áo xuyên, dặt lẽ què thối, chỗ ngồi cũng án thư bàn đọc, ngoài hiên cũng cánh xếp mảnh mảnh.

Gần có một mục, sinh được bốn anh, tên Ông tên Bái, tên Bột tên Bánh; mẹ muốn con hay, dấp một nồi biền cò áo mũ chủ rước thày học tính đủ tiền, chè rượu cơm canh; chọn ngày lễ bái, mở cửa tập-tành; thày ngồi chĩnh-chện trò đứng chung-quanh; dạy câu Kiều lầy, dạy khúc lý Kinh; dạy khi lên ngựa xuống xe, đứng ngồi phải phép, dạy lúc cao lâu chiếu rượu, ăn nói cho sành. . . . .  
. . . . .





BÀI VĂN VỢ TẾ HẾT TANG CHỒNG

(Người Hà-nội)

Cử-nhân Đoàn-như-Chương soạn

Than ôi ! Non Nùng hạc lánh, sông Nhị mây  
trôi ; một ngày một vắng, đôi ngã đôi nơi ; đạo  
vợ nghĩa chồng, duyên ngộ-hợp xiết bao ân-ái ;  
kể về người ở, phận khuê vi nhiều nỗi chua cay :

Thiếp nhớ từ đào non sen ngó, lục thắm hồng tươi ;  
duyên đẳng gió thuận, lá thắm thơ bài ; đàn Trưng-  
Nữ giao khúc phượng-hoàng, xo dây cầm sắt,  
cầu Chức-nữ nhờ tay Ô-tước, lựa dịp trúc mai ;  
tơ đồng đã bén dao loan, năm bầy độ hùng bi  
mộng hiệp, dây gửi may nhờ côi bách, mấy mươi  
năm gia thất duyên hài ; khi xem hoa tỉnh-đế thú  
Tây-hồ, yêu hương tiếc nhị, lúc dạo nguyệt đoàn  
viên cầu Hoàn-kiếm, chung bóng sánh vai ; biết  
bao mây sớm đèn khuya, tóc tơ một ước, vẫn  
chắc giới cao bề rộng, non nước còn dài.

Nào ngờ giảng già độc-địa, con tạo trêu người ;  
đá mòn sông cạn, ngọc nát vàng phai ; ngao-ngán  
nhẽ buồn vắng sương-giá, ngần-ngơ nhưong gối  
chéch giảng soi ; vườn hờ dăm chút thơ-ngây,  
khuya sớm một mình khuyên dạy, sân tử hai chồi  
sương tuyết, chận cam ai kể đỡ thay.

Thôi thì thôi ! Không không sắc sắc, kiếp kiếp  
hồi hồi ; nợ duyên số trước, may dũi cơ giới ;  
há ông xanh thử khách hồng nhan, chia uyên rẽ  
thúy ; hay di Nguyệt ghen người má phấn, cậy sắc  
khoe tài.



Nay mình dương xa cách, ngày tháng đưa thoi,  
một đợi tám chín mười chờ khôn thấy, ba năm  
hai mươi bảy tháng vừa rồi; gạt giọt ngọc kính  
dâng vài chén, dãi gan vàng quyết đoán một nhời,  
đắp lạnh quạt nồng, tắc cổ xin thay người cũ,  
gìn vàng giữ ngọc, ôm cầm thẻ chẳng thuyên ai.

## BÀI CA

### ĐÁNH CỜ NGƯỜI

(*Hồ-xuân-Hương soạn*)

Chàng với thiếp canh khuya dẫn dục,  
Đét đồn lên đánh cuộc cờ người.  
Hẹn rằng đấu chí mà chơi,  
Cấm ngoại thủy không ai được biết;  
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,  
Đề đòi ta quyết chí một phen,  
Quân thiếp trắng, quân chàng đen.  
Hai quân ấy chơi nhau đã đã lửa,  
Thoạt mới vào chàng liền nhầy ngựa,  
Thiếp vội vàng vén phừa tịnh lên.  
Hai xe hà chàng gác hai bên,  
Thiếp sợ bí thiếp liền gánh sĩ,  
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,  
Đem tốt đầu dú-di vô cung,  
« Thiếp đương mắc nước xe lồng  
Nước pháo đã nổ dùng ra chiếu,



Chàng bảo chịu, thiếp rằng chửa chịu.  
Thua thì thua, quyết niu lấy con;  
    Khi vui nước nước, non non,  
Khi buồn lại giở bàn son quân ngà.

BÀI CA VỢ CHỒNG NGÂU

(Ông Tú-Xương soạn)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,  
Con giời lấy chú chăn trâu cũng phiền;  
    Một là duyên, hai là nợ,  
Mối xích-thăng ai gỡ cho ra;  
    Vụng về cũng thể cung nga,  
Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua mục-dồng;  
    Hay là sợ ể chồng chẳng tá,  
Đôi công đâu kén cá chọn canh;  
    Lấy ai, ai lấy cũng đành,  
Rề giời đâu đến cả anh áo buồm.

NÓI CHUYỆN VỚI GIĂNG

Tiết thu dạ giời quang mây tạnh,  
Chốn lữ-đình sực tỉnh canh khuya;  
    Tai nghe văng-vẳng bốn bề,  
Gương Nga vằng vặc dải hè quế lan,  
    Thấy giăng mà động lòng vàng,  
Ngâm câu vãn nguyệt mà đoan mấy nhời.  
    Hỏi di nguyệt mấy nhời sau trước,  
    Duyên có sao mà được thảnh thơi?



Nguyệt rằng : vật đời sao đời,  
Gương này giới đề cho người soi chung.

Làm cho mỗi mắt anh-hùng,  
Ngàn thu sương tu, ết, một lòng thanh-quang.

Hỏi đi nguyệt có đường lên tới?

Chốn thềm cung cách mấy mươi xa?

Nguyệt rằng : ta lại với ta,  
Có cây đan-quế ấy là chị em.

Khách trần thử tới mà xem,

Kìa gương ngọc thỏ, nọ rèm thủy-tinh.

Hỏi đi nguyệt có tình chẳng tá?

Chừ niên hoa phỏng đã nhường bao?

Nguyệt rằng : chút phận thơ đào,  
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn,

Tấm gương vắng-vặc chẳng mòn,

Bao nhiêu tinh dầu là con cái nhà.

Hỏi đi nguyệt Hằng-nga mấy tuổi?

Cứ ngày rằm đến tối thì ra.

Nguyệt rằng : ta lại biết ta,  
Minh minh trường dạ ai là biết ai,

Vậy nên mở mắt soi đời,

Biết nơi nham hiểm, biết người tà-dâm

Thấy nguyệt hỏi lòng càng yêu nguyệt,

Biết lòng ta có nguyệt hay chẳng,

Muốn lên cho đến cung giăng,

Kết duyên cho được chị Hằng mời tha,

Một giăng với lại một ta,

Biết nhau chỉ có canh ba điểm thung,

Nguyệt thông thả ướm lòng lại hỏi,

Cõi trần gian là cõi làm sao?



Cuộc đời xem tựa chiêm-bao,  
Công-Hầu Khanh-Tướng xông-xao trong vòng.  
Tranh nhau vì chút hơi đồng,  
Cướp nhau vì miếng đỉnh-chung của giới.  
Nguyệt lại hỏi đến người quân-tử,  
Buổi vân-lôi đôi chữ kinh luân,  
Ta rằng : đã có thánh thần  
Ra tay bát loạn nên thân trị bình,  
Còn phượng trục lợi tham danh,  
Trò đời xem cũng ra tình phù sa.  
Nguyệt lại hỏi rùng rờ mấy kẻ ?  
Quyết ra tay bẻ quẻ Trường-an,  
Ta rằng : cả nước chim ngàn.  
Đời nào chẳng có phượng-hoàng kinh ngư,  
Ta hỏi nguyệt ngân-ngơ ngơ-ngần,  
Nguyệt hỏi ta thơ thần thần-thơ.  
Rèm hoa trước gió phát-phơ,  
Hiu-hiu gió thổi hương đưa ngạt ngào,  
Canh khuya bóng nguyệt càng cao,  
Nguyệt ta, ta nguyệt biết bao nhiêu tình,  
Mấy câu ngâm chốn lữ-đình,  
Có ai biết nguyệt biết mình chẳng ai ?

---

### CÁC BÀI TẬP KIỀU

(Lá đơn hai người cô-đầu đèn thừa quan,  
bị người dân đánh mẹ)

(*Huyện Tiên-lãng, tỉnh Kiên-an*)

Rằng tôi chút phận đàn-bà,  
Song song đưa tới sân hoa lậy qui.



Xót mình cửa các phòng khuê,  
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.  
Sá chi liễu ngõ hoa tường,  
Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài.  
Xót người tựa cửa hôm mai,  
Ngần ngơ trăm mối, dúi mài một thân.  
Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân,  
Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha.  
Khéo oan gia, của phá gia,  
Đang tay đập liễu vùi hoa toi-bời.  
Cúi đầu nép xuống sân mai,  
Eết điều khinh trọng hết nhờ thị phi.  
Vi chẳng xét tấm tình si,  
Con ong cái kiến kêu gì được oan.  
Sao cho cốt nhục vẹn toàn,  
Nỗi riêng luống những bàn hoàn niềm tây.  
Trộm nhờ sấm xét ra tay,  
Thế nào xin quyết một bài cho xong.  
Đã đưa đến trước cửa công,  
Lượng trên trông xuống biết lòng có thương.  
Thương sao cho vẹn thi thương,  
Liệu bài phương tiện mở đường hiếu sinh.  
Gót đầu mọi nỗi đình ninh,  
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau.

VỊNH HOA THỦY-TIÊN

(*Quan Tiên-sĩ Chu-mạnh-Trinh*)

Thương ôi, sắc nước hương giờ,  
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.



Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,  
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây?

---

### CÁC CÂU ĐỐI

---

Cóc cách, cộc cách,  
Công kênh, cồng kênh.

Con cóc leo cây võng-cách, nó ngã xuống cộc,  
nó cách đến già,

Con công đi qua chùa Kênh, nó nghe tiếng cồng,  
nó kênh cồ lại.

Cốc cốc đánh mõ rình cót thóc, thử (鼠) đêm  
nay chuột có ăn không,

Tùng tùng hồi trống đảo cây thông, ô (烏) cảnh  
nọ quạ không đậu được.

Lợn cần (艮) ăn cám tợn (巽),  
Chó khôn (坤) chớ cần cần (乾).

---

### VỢ NGƯỜI THỢ NHUỘM KHÓC CHỒNG

Thiếp kể từ lá thắm xe duyên, khi vận tia  
lúc cơn đen, điều đại điều khôn nhờ bố đỡ!

Chàng ở dưới tuổi vàng nghĩ lại, vợ má hồng  
con răng trắng, tím gan tím ruột mấy giờ xanh.

---



CÂU ÔNG TÂN-LÝ-THƯỜNG RA CHO  
ÔNG NGÔ-THỜI SĨ

Ai Công Hầu, ai Khanh Tướng, trong trần ai  
ai dễ biết ai.

Thế Chiến-Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế  
thế thì phải thế.

(Khi ông Ngô-thời-Sĩ làm quan Tây-sơn, ông Thường  
đền chơi, rất là kiêu ngạo, sau ông Thường theo vua Gia-  
long ta làm Tham-tán, bắt ông Ngô-thời-Sĩ đền, ra cho  
câu đôi này, đôi xong rồi sai đem đánh chết).

DÂN CÔNG ĐƯỜNG

(Quan Thượng Chứ)

Hai hạp bốn chủ, một lũ nhà-tơ, ngồi chờ  
quan - lớn.

Ba bị chín quai, mười hai con mắt, hay bắt  
trẻ con.

QUAN THƯỢNG CHỨ RA CHO ÔNG NGHÈ TÂN

Công dăng hỏa có chi đầu, sùng-săng nhờ  
phận lại nhờ duyên, quan trong năm bảy tháng,  
quan ngoài tám chín năm, này cò này biển, này  
mũ này đai, này hèo hoa gươm bạc, này tán  
tia lọng xanh, khách tài-tình gặp hội kiếm cung,  
khắp giới nam bề bắc ấy anh-hùng, mùi thế xem  
ra chừng đã trái.



Nợ phong-trần không vương nữa, ngất-ngưỡng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vài cô, hầu giai năm bảy đũa, nào cờ nào kiệu, nào rượu nào thơ, nào đàn ngọt hát hay, nào trè chuyên chén mầu, tay khí vũ thoát vòng cương tỏa, lấy gió mát giăng thanh làm bạn lửa, tuổi giới thêm ít nữa là hơn.

## CÁC CÂU ĐỐI QUAN TAM-NGUYÊN AN-ĐỒ

### DÁN NHÀ

Người nước nam hỏi tiếng tây chẳng biết tiếng tây, hỏi tiếng tàu chẳng biết tiếng tàu, cho nên phải minh tiên-vương chỉ đạo dĩ đạo.

Nhà hương bắc người chữa rét thì mình đã rét, người chữa bức thì mình đã bức, mới gọi là tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu.

### DÁN CHƠI

Quan chả quan thì dân, chiếu trung đình ngất-ngưỡng ngồi trên, nào lệnh nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, củi đuốc làm sao, loanh-quanh ba vạn sáu nghìn ngày, miếng má lợn coi thầy đà nhắm mặt.

Già chẳng già nhưng trẻ, chú tiểu-dồng lơ-nhò đứng dưới, này phú này thơ, này đoạn một, ngang là thế, sỏ là thế, bằng trắc là thế, dằng-dẵng một năm mười hai tháng, con mắt gà đeo kính đã mòn tay.



### KHỐC VỢ

Nhà tớ vốn nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, sẵn váy quai-công, le te chân ngược chân xuôi, nhiều lúc đỡ-dần khj có việc.

Bà đi đâu vội mấy, đề một lão vát-vơ vát-vường, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đũa tay chén, lấy ai kể-lễ truyện trăm năm.

---

### VIẾNG NGƯỜI LÀNG

Vừa mới họp việc làng, mặc áo địa, dận giầy tàu, dủng-dỉnh cũng coi ra dáng kẻ.

Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất sét, khôn ngoan thì cũng đứt đuôi rồi.

---

### VIẾNG NGƯỜI HÀNG SÓM

Giàu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nhẽ.

Sang không thì cũng bạc, kiếm dăm ba chữ đề làm duyên.

---

### VIẾNG BỐ VỢ

Chữ nghĩa có gì, cửa sấm nhẽ đâu mang trống lại.  
Rẻ con không nhẽ, nước người nên phải vác  
chiêng đi.



### CÔ ĐẦU KHÓC MẸ

Dây làm kép hẹp làm đơn, tống-táng cho yên  
hồn phách mẹ.

Cá kể đầu rau kể mở, tình tang thêm túi  
lũ đàn con.

---

### VỢ LÒ RÈN KHÓC CHỒNG

Nhà cửa để làm than, con thơ-dại lấy ai rèn cặp.  
Công việc dành bỏ bê, vợ chẻ chung lăm kể de-loi.

---

### CÂU ĐỐI ÔNG BÙI-HOAN

(Người làng Thịnh liệt huyện Thanh-tri đỗ Cử-nhân)

Làm cho vợ mừng đỗ Cử-nhân

Mười mấy khoa còn gì, nhờ giờ có phúc có phận.  
Năm mươi tuổi mới đỗ, mừng ông càng giẻ  
càng giai.

---

### MỪNG ÔNG LÃO NHÀ QUÊ LÊN LÃO 70 TUỔI

Tinh ông hay, hay tửu hay tằm, hay nước trè  
đặc hay nằm ngủ chưa, tuổi ngoại sáu mươi còn  
mạnh-khỏe.

Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi,  
có nồi cơm nếp, bày ra một tiệc thấy linh đình.

---



## CÁC BÀI HÁT

---

(Các bài trong tập này phần nhiều trước không có đầu bài, không có đầu bài không những không hiểu văn hay, mà không có thể phân biệt từng bài được, vậy tôi có chọn những câu lục bát trong truyện Kiều có hợp ý nghĩa về một bài nào, đem đặt thay làm nhan đề cho bài ấy, gọi là một cái đầu riêng chia ghẽ bài nọ với bài kia).

---

### QUAN CAO-BÁ-QUÁT

(Ngài người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, tên hiệu là Chu-Thân, cùng ông Cao-bá-Đạt đẻ sinh đôi, đều đỗ Cử-nhân, ngài đỗ khoa Tân-mão đời vua Minh-Mệnh ta, làm quan đến chức giáo-thụ thôi, văn-chương rất là phiêu-dật, kể nước ta chưa được mấy người, vua Tự-Đức có phê câu thơ rằng: « Văn như Siêu, Quát vô Tiên-Hán » nói văn chương ngài với quan Phó-bảng Nguyễn-Siêu Phương-đình, khó lòng văn hay nhà Tiên-Hán đã bằng, đời bây giờ có câu chuyện rằng: « Thân Siêu, Thánh Quát » đều khen là bậc văn tài cả. Có tập văn thơ Cao-chu-Thân để lại sau, không những văn hay, chữ rất tốt, và văn nam âm cũng hay lắm, xin lục bài hát sau này):

#### 1. — NGHĨ ĐỜI MÀ NGÁN CHO ĐỜI

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,  
Yên ba thâm xứ hữu ngư-châu;



Vắt tay nắm nghĩ truyện đầu đầu,  
Đem mộng sự, đọ mấy chân thân thì cũng mệt.  
Duy giang thượng chi thanh-phong, dữ sơn  
[gian chi minh-nguyệt;  
Kho giới chung, mà vô-tận của mình riêng;  
Cuộc vương tròn phó mặc khuôn-thiên,  
Kẻ thành-thị, kẻ vui miền lâm-tâu,  
Gỗ dịp lấy, đọ câu tương-liến-tử.  
Quân bất kiến, hoàng-hà chi thủy, thiên thượng  
[lai.

Làm chi cho mệt một đời!

2. — NGÀY XUÂN ĐÃ DỄ TÌNH CỜ MẤY KHI

Tài-tử với giai nhân là nợ sẵn,  
Giải-cấu nan là chữ làm sao?  
Trải xưa nay chừng đã biết bao!  
Kìa tan hợp nợ khứ lưu đầu dám chắc.  
Giai-nhân khứ khứ, hành hành sắc,  
Tài-tử chiêu-chiêu, mộ mộ tình.  
Uầy kìa ai! như mây tuôn, như nước chảy.  
[như gió mát, như giăng thanh;  
Lơ lửng khéo chêu người chi mãi mãi!  
Giời đất có san đi mà xẻ lại,  
Hội tương-phùng còn lắm lúc về sau!  
Yêu nhau xin nhớ nhờ nhau.



3. — BIẾT ĐÂU RỒI NỮA CHẴNG LÀ CHIÊM-BAO

Nhân sinh thiên-địa nhất nghịch-lữ,  
Có bao lăm, ba vạn sáu nghìn ngày,  
Như chiêm-bao, như bóng sò, như gang tay,  
Sực nhớ đến cồ-nhân bình chúc;  
Cao sơn lưu thủy thi thiên trực;  
Minh nguyệt, thanh phong, tửu nhất thuyền;  
Dang tay người tài-tử, khách thuyền-quyên,  
Chén rượu thánh, câu thơ thần thích chí!  
Thành-thị ý, mà giang-hồ ý.  
Đâu chả là tuyết, nguyệt, phong, hoa!  
Bốn mùa xuân lại, thu qua.

4. — NGÀY VUI NGẮN CHẴNG ĐẦY GANG

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy?  
Cảnh phù-du trông thấy cũng buồn cười!  
Thôi công đâu mà chấp lấy sự đời,  
Tiêu khiển một vài chung lếu-láo!  
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,  
Tâm tư bách kể bất như nhân,  
Bóng thiền-quang thấp thoáng dưới Nam-san,  
Ngảnh mặt lại cứu-hoàn coi cũng nhỏ!  
Khoảng giới đất, cồ kim, kim cồ,  
Mảnh hình-hài, không có, có không!  
Lọ là thiên tứ vạn chung.

5. — VÌ HOA NÊN PHẢI TỎ ĐƯỜNG TÌM HOA

Giai nhân nan tái đắc,  
Chót yêu hoa nên dan diu với tình;



Mái tây-hiên nguyệt dải chênh-chênh,  
Rầu-rĩ mấy xuân về oanh nhớ.  
Phong-lưu công-tử đa xuân tứ,  
Trường đoạn, Tiêu-nương nhất chỉ thư.  
Nước sông Tương một dải nông-chờ,  
Cho kẻ dấy, người dây mong mối.  
Bất-rất nhẽ, trăm đường nghìn nôi!  
Chữ chung-tình biết nói cùng ai?  
Quản chi gấn bộ một hai.

---

6. — KIẾP HỒNG-NHAN CÓ MONG-MANH

Tự cổ hồng nhan đa mệnh bạc,  
Buồn cho ai, mà lại tiếc cho ai!  
Duyên chông-chênh nguyệt-mỉa hoa cười,  
Ngao-nấn nhẽ, đào-tiên lặn cõi tục!  
Đã gác gương loan treo giá ngọc,  
Nỡ hoài chim cú đậu cành mai!  
Xuân còn dài, duyên hãy còn dài,  
Thử đứng-dỉnh xem cơ tiền-định.  
Mượn dì Nguyệt thử xe dây xích,  
Khách văn nhân với khách giai-nhân.  
Sắc tài ai kẻ cầm cân?

---



## QUAN NGUYỄN-QUI-TÂN

(Ngài người làng Thượng-cốc, tỉnh Hải-dương, đỗ  
Tiên-sĩ năm Nhâm-dân, đời vua Thiệu-trị năm thứ 2,  
sau làm Tri-phủ).

### 7. — TRĂM NĂM TRONG CÔI NGƯỜI TA

Nhân sinh thiên địa gian,  
Hốt như lữ-hành khách !  
Có bao nhiêu, ba vạn sáu nghìn ngày ;  
Nợ phong-trần chót đã ăn vay,  
Phải trang giả mới là tay chí-khí.  
Đã chót nhấp say mùi thể-vị,  
Phải tìm phương tỉnh thuốc phiền-hoa !  
Kiếp phù-sinh thắm-thoắt bỗng nên già,  
Thì tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chí.  
Hỏi những khách tang-bồng hồ-thỉ,  
Chốn lâm tuyền thành-thị mấy tri âm ?  
Trăm năm luống những cười thăm !

---

### 8. — ĐAU LÒNG KẺ Ở, NGƯỜI ĐI

Thử địa, thử nhân, tòng thử khứ,  
Di sâu, di hận, cánh di thương !  
Mỗi tình riêng xẻ nửa bước đường !  
Bên bờ liễu ngập-ngừng cơn tống biệt ;  
Người viễn khách biết chằng chằng biết ?  
Mỗi tơ vò vấn-vít xuất năm canh !  
Khi cung đàn, khi chén rượu,  
Khi gió mát, khi giăng thanh,



Khúc bạch-tuyết bên mình còn văng-vẳng !  
Mấy bước tiến đưa vàng đá nặng,  
Ba câu gấn-bó nước non tình.  
Gánh tương-tư chất nặng bên mình,  
Phong cảnh ấy chêu người thêm xác mắc !  
Tự cô giai-nhân nan tái đắc,  
Khách tri-âm ở đó, uầy nào đâu ?  
Mười phần ta đã tin nhau.

## QUAN NGUYỄN-CÔNG-CHỨ

(Ba bài)

(Ngài người làng Uy-viến, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an, đỗ Giải-nguyên khoa Kỷ-mão đời vua Gia-Long, làm quan đến đời vua Tự-Đức ngài là bực văn-thân, lại giỏi tài thao-lược, thường lấy chức quan văn đi đánh giặc mấy lần, đã làm đến Hải-an Tổng-đốc bị cách chức, sau lấy quân-công khai-phục, lại bị cách chức, thăng mấy không biết lên xuống mấy lần, khi mất, tuổi ngoài 70, còn khai-phục được chức Thừa-thiên Phủ-doãn. Văn nam âm rất hay, các bài hát lại càng hay lắm, những bài hay có-dấu thường hát bây giờ phần nhiều của ngài cả, xin lục vài bài sau này):

### 9. — CẨM ĐƯỜNG NGÀY THÁNG THANH NHÀN

1°

Thị tại môn tiền nào,  
Nguyệt lai môn hạ nhàn,  
So lao tâm, lao lực cũng một đoàn,  
Người nhân thế muốn nhàn sao được!



Nên phải giữ lấy nhân làm trước,  
Dầu giới cho có tiếc cũng xin nài.  
Cuộc nhân sinh, chừng bảy, tám, chín, mười  
mười!

Mười lăm trẻ, năm mười già không kể.  
Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc!  
Trần có vui, sao chẳng cười khi?  
Khi hỉ lạc, khi ái dục, lúc sân-si,  
Chữ chi lắm một bầu nhân-dục!  
Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc?  
Tri nhân, tiện nhân, đãi nhân, hà thời nhân?  
Cầm, kỳ, thi, tửu, mấy giang san,  
Dễ mấy kẻ xuất trần xuất thế!  
Ngã kim nhật tại tọa chi địa,  
Cổ chi nhân tăng tiên ngã họa chi,  
Ngàn muôn năm, âu cũng thế ni,  
Ai hay hát mà ai hay nghe hát?  
Sông Xích-bích, buông thuyền năm Nhâm-tuất,  
Đề ông Tô riêng một thú thanh-tao.  
Chữ nhân là chữ làm sao?

---

10. — CÔNG DANH AI RỨT LỐI NÀO CHO QUA

2°

Ba vạn sáu nghìn ngày thắm-thoát!  
Tự mọc răng cho đến bạc đầu,  
Cõi nhục vinh góp lại chữa bao lâu!  
Ngồi thử gẫm sự đời thêm khéo quá!  
Núi tự tại, có sao sông bất xả?  
Chim thì lông, hoa thì cành,



Khéo công đâu, thừa trừ,  
Từ nghìn trước đến nghìn sau!  
Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp,  
Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp,  
Xuất mẫu hoài tiện tự hữu quân thân!  
Mà chữ danh liền mấy chữ thân,  
Thân đã có ắt danh ầu phải có!  
Này phút chốc kim rồi lại cỏ,  
Có hẹn gì sau chẳng bằng nay.  
Râu mày kia hỡi râu mày!

---

11. — TRÊN VÌ NƯỚC, DƯỚI VÌ NHÀ

Tang-bồng hồ-thỉ nam-nhi trái,  
Cái công-danh là cái nợ lần!  
Nặng-nề thay đôi chữ quân thân!  
Đạo vi tử vi thần đâu có nhẽ!  
Cũng dấp diên-viên vui thú vị;  
Chót đem thân thế hẹn tang-bồng,  
Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung,  
Hết hai chữ trung, trình báo quốc.  
Một mình đề vì dân, vì nước,  
Túi kinh-luân từ trước đề nghìn sau,  
Hơn nhau một tiếng công hầu.

---

12. — DƯỚI TRẦN MẤY MẶT LÀNG CHƠI

Ngâm cho kỹ đến bất nhân là tạo-vật,  
Đã siah người lại hẹn lấy năm.



Kề chi thẳng lên bầy, đũa lên năm!  
Dầu ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc!  
Lại mang lấy lợi, danh, vinh nhục!  
Cuộc đời kia, lắm lúc bi hoan!  
E đến khi hoa rữa giãng tàn,  
Xuân một khắc dễ nghìn vàng đổi chác!  
Tế suy vật lý, tu hành lạc,  
An dụng phũ danh bặt thử thân.  
Song bất nhân mà lại chí nhân,  
Hạn lấy tuổi để mà chơi lấy.  
Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy,  
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù!  
Nghề chơi cũng lắm công phu.

---

## QUAN THƯỢNG NGUYỄN-ĐỨC-NHU

### 13. — NỖI CHÌM CŨNG MẶC LÚC NÀO RỦI MAY

Nhân sinh thiên địa nhất nghịch-lũ,  
Thôi công đầu mà rước lấy sự trần-gian,  
Như chiêm bao, như mây nổi, như sương tan.  
Cơn đắc tán, bi, hoan, đành có lúc!  
Vài chung phong nguyệt bầu kim cồ,  
Mấy khúc sơn hà, túi gió giăng!  
Cuộc tẻ vui, vui tẻ so bằng,  
Ai cỏi thế, chắc rằng không với có!  
Kia Vương Khải, Thạch-Sùng thừa nợ,  
Dầu đến nay tắc lười cũng là hư!  
Làm chi giữ lấy khư-khư!

---



14. — TRÚC MAI SUM HỌP MỘT NHÀ

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu,  
Khách giang-bồ từng họp thiều, ly đa,  
Nay bắc nam xum họp một nhà,  
Gồm đủ cả thặng cảnh, lương thì, thưởng tâm  
[lạc sự;

Hào trúc, ai tí dư túy hĩ,  
Thế phong minh nguyệt gia hà như?  
Thú nguyệt hoa là nợ với cầm thư,  
Cuộc thi tửu, đề riêng người phong-nhã!  
Quân bất kiến? hoa lạc, hoa khai, xuân khứ dã,  
Phải chơi cho lãn-lóc dã, kéo hoài.  
Kia kia hải đốc, thiên nhai!

QUAN NGHÈ NGÔ-THẾ-VINH

(Ngài hiệu riêng là Chúc-đường, người làng Bái-dương  
tỉnh Nam-định, đỗ Tiên-sĩ năm Kỷ-sửu, niên hiệu Minh-  
Mệnh thứ 10, học-trò thành đạt rất nhiều).

15. — LẦN THẬU GIÓ MÁT GIĂNG THANH

Giang sơn, thu nguyệt bạch,  
Nảo nùng thay, khi gió mát lúc giăng thanh!  
Bóng thềm soi đáy nước long-lanh,  
Quang-cảnh ấy, cũng thanh mà cũng lịch!  
Vạn nãi tịch nhiên thu gia vĩnh,  
Nhất hồ oánh nhĩ, nguyệt minh thâu  
Đàn năm cung, thơ một khúc, cờ một cuộc,  
[rượu một bầu.



Tiếng ca-quản một vài câu khiên-búng!  
Chèo mấy mái thuyền lan lửng-thửng,  
Bạn mấy người tài tử tiêu giao;  
Non mấy từng, đá mọc so le,  
Cầu một dịp, bắc ngang sông Vị-thủy,  
Hội Xích-bích nọ năm Tuất nhỉ!  
Thú phong-lưu há một Tô-công,  
Giăng thanh gió mát kho chung.

16. — ĐỜI NGƯỜI ĐẾN THẾ THÌ THÔI

Nhân sinh thích chí, chẳng gì hơn:  
Tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, đàn cho ngọt, hát  
[cho hay!

Nợ phong lưu, chơi hết lại vay,  
Kho vô-tận, không rồi lại có!  
Mãn viện lý đào như hữu chủ,  
Bách ban hoa thảo cánh thâu thù.  
Khi cung đàn, khi chén rượu, khi túi thơ,  
Thu-xếp cả phiên-hoa vào một cục.  
Thú vị ấy, chơi cũng tục, mà chẳng chơi cũng tục.  
Chơi thì chơi cho nước Hán sang Hồ,  
Nước Tần sang Sở nước Ngô sang Lào,  
Biết đâu rồi chẳng chiêm bao.



## QUAN TAM-NGUYÊN NGUYÊN-KHUYẾN

### Sáu bài

(Ngài người làng An-đó, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam, đỗ Nhì-giáp tam-nguyên khoa Tân-vị, niên-hiệu vua Tự-Đức ta năm 24, làm quan đến Sơn, Hưng, Tuyên Tổng-độc (trước ta có chức Tổng-độc gồm hai ba tỉnh) cáo về, lấy thơ rượu làm vui ngâm vịnh rất nhiều, có tập văn Quê-sơn để lại. Các lối văn Quốc-âm như: lục bát, thơ, phú diễn âm, và bài hát điệu hay. Vừa khoa-danh vừa sự-nghiệp, vừa khí-liệt, vừa văn chương, quốc-triều ta cũng chưa thấy mây. Xin lục dăm bài sau này).

### 17. — TIẾNG KHOAN NHƯ GIÓ THỜI NGOÀI

#### 1° — *Giả cách điếc*

Trong thiên-hạ có người giả điếc,  
Khéo ngo-ngo ngác-ngác, ngỡ là ngây!  
Chả ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cây,  
Lối điếc ấy sau này muốn học.  
Tọa chung đàm tiếu nhân như mộc.  
Giả lý phan viên nhĩ tự hầu;  
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điệu thuốc,  
Khi miếng giàu, khi chèo chuyên dăm bầy chén  
[khi Kiều lấy một đôi câu.  
Tĩnh một chốc, lâu lâu rồi lại điếc.  
Điếc như thế, ai không muốn điếc?  
Điếc như anh dễ học du mà.  
Hỏi anh, anh cứ ậm à!



18. — MẮT XANH CHẴNG ĐỂ AI VÀO  
CÓ KHÔNG?

2<sup>o</sup> — Bài hát xẩm

Anh nay mục hạ vô nhân,  
Nghe em xuân-sắc mười phân nũng!  
Dù em môi phấn má hồng,  
Nhưng nhưng anh có thêm trông đâu nào!  
Lấy anh đi trước cho hào,  
Dù n.ắm, dù nguyệt, dù sao mặc lòng!  
Nhủ em, em có nghe không?  
Hãy còn ngồi đấy hay bong đi rồi!  
Nhắc tay sờ chốn em ngồi.

19. — TRO' NHƯ ĐÁ, VỮNG NHƯ ĐỒNG

3<sup>o</sup> — Bài Phỏng đá

CÂU MIÊU

Người đâu? tên họ là gì?  
Hỏi ra chích-chích chi-chi, nực cười!  
Vắt tay ngảnh mặt trông giờ,  
Còn toan lo tính sự đời chi đây!  
Thấy lão đá lờ-dờ muốn hỏi?  
Cớ làm sao luồn-lỏi tới chi đây?  
Hay mắng vui huê cỏ, nước non này?  
Chừng cũng muốn đan tay vào hội lạc!  
Thanh-sơn tự tiểu, dầu tương hạc,  
Thương-hải thủy tri túc diệp âu!  
Thôi thôi đừng nghĩ truyện dàu-dầu!



Túi vũ trụ mặc dầu sau gánh vác!  
Duyên hội-ngộ là duyên tuổi tác,  
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác,  
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu!  
Nên chẳng đá cũng gặt đầu.

20. — BỤI NÀO CHO ĐƯỢC ĐƯỢC MÌNH ẤY VAY

5<sup>o</sup> — Mẹ Mốc

Mẹ Mốc là một con mẹ đại ở về vùng tỉnh Nam, thường lây than, đất xoa đen nhỏ cả mình đi, có người cho mẹ ta vì bực mình một sự gì, giả cách ra như thê, thực không phải đại.

So danh giá ai bằng mẹ Mốc!  
Ngoài hình-hài, gấm, vóc cũng thêm ra,  
Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xoa nhòa.  
Làm thế để cho qua mắt tục,  
Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc,  
Thân trung thường thủ tự kiên kim.  
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,  
Giữ son sắt êm-dềm một tiết,  
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,  
Mảnh gương trinh vắng vặc quyết không nhờ,  
Đắp tai ngảnh mặt làm ngo,  
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thấy,  
Khôn em dễ bán đại này.

---



21. — PHỤ TÌNH NỖI TIẾNG LẦU XANH

6<sup>o</sup>

Nết dàu, nết lạ!  
Thấy cô đầu gằm - gã chực cười nô,  
Rượu cơn say, mời đủ trăm hồ;  
Hãm cơm cháo mời về còn lắc!  
Liếc mắt nhân tình nhanh cái cắt,  
Chém môi vô-tích phóng con hươu!  
Vui anh em thời ra phết phong-lưu,  
Rút cục lại chú nhiều Khiếu là họ nội.  
Khen ai khéo đưa đường chỉ lối,  
Chị em ta thề giới thế mà thiêng.  
Từ rầy hễ thấy thì kiềng.

22. — TRÔNG VỜI CON NƯỚC MÊNH-MÔNG

*Tây-hồ*

(Tây-hồ ở phía bắc thành Hà-nội, chu-vi 27 dặm  
đều mùa thu trông ra, thực là giới nước móng-mênh,  
mùa hạ sèn mọc nhiều, thả một lá thuyền chơi,  
thật không khác gì như đem mình đương ở chôn hồng-  
trân ra ngay miền Nhược-thủy, cũng là vượng-khí đất  
Thăng-long, từ trước xếp đặt sẵn cho trong thành-thị  
có riêng một cảnh-chí lâm-tuyền).

Thuyền lan nhè-nhẹ,  
Một con chèo đứng-đỉnh dạo hồ Tây.  
Sóng rập-rờn sắc nước lặn chèo mây,  
Bát ngát để gheo người du lãm,  
Yên-thủy tự sinh vô hạn cảm,



Thu-phong hồi thủ mỗi thương tâm!  
Rượu lưng bầu, mong-mỏi bạn tri âm,  
Xuân vắng-vẻ biết cùng ai ngâm họa?  
Gió hây hây nức mùi hương xạ,  
Nhác trông lên, vách phấn đã đề bài.  
Thơ ai, xin hỏi một bài?

---

## QUAN ĐỐC HỌC TRẦN-LÊ-KỶ

(Người làng Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh)

### 23. — CHƠI CHO LIÊU CHÁN HOA CHÊ

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nít,  
Bốn mươi năm cút-kit đã về già;  
Tinh trong vòng, cần đá mấy giăng hoa,  
Phỏng độ ba mươi năm là sắp kiệt.  
Thế mà còn đi học đi hiệc, đi thi đi thiếc;  
Khi đỗ khi điệc, làm quan làm kiếc!  
Việc đời vắn-vít biết bao nơi,  
Giời đã sinh cho kiếp làm người,  
Chả chơi thời người cười ra chú vịch!  
Được ngày nào, ta chơi cho thích,  
Cho phong-lưu, thanh-lich mới là giai!  
Thấy ai ai, ta cũng ai ai.  
Ai-ai ấy, thì ta cũng ấy!  
Chớ có quở chữ dâm là chữ bậy!  
Nếu không dâm sao có nầy ra hiề?  
Bảo em, em cứ giữ-diềng.

---



## QUAN DƯƠNG-LÂM

### ĐƯA MỪNG QUAN NGHÈ DU-LÂM KHI ĐỔ TIÊN-SĨ

(Ngài với quan Nghè Nguyễn-Kham Du-lâm cùng là anh em ngọc-nhuận (rẻ), khi quan Nghè đổ, ngài chưa đổ, đưa mừng bài hát này, khoa sau đổ Giải-nguyên. Ngài dẫu không đỗ đại-khoa, nhưng văn tài cùng với quan Đường anh, đều là có tiếng, quan cũng làm đến Thượng-thư. Ngài được cung hàm Thiệu-báo, văn-chương sự-nghiệp, Bắc-kỳ ta chưa dễ được mấy nhà, xin lục bài hát sau này :)

### 4. — CHÉN MỪNG XIN ĐỢI NGÀY RẦY NĂM SAU

Giai-nhân hà tất kiêu như ngọc,  
Chữ duyên may, đập đổ phận hồng-nhan ;  
Kìa những người xe ngựa chan-chan,  
So ngón kẻ đã thua nhau ngàn với vạn !  
Mai phóng hạnh tiên, tiểu hạnh vãn,  
Hạnh khai mai hậu, thán mai suy !  
Xin đừng đem tài sắc đánh ghen chi !  
Trăm năm ấy đường đi lối bước,  
Nhấn những kẻ đường mây bước trước,  
Sẽ dừng roi đợi kẻ sau này,  
Chắc rằng ai dở, ai hay !

### 25. — MƯỜI LĂM NĂM MỚI BÂY GIỜ LÀ ĐÂY

4° — *Gặp cô dâu cũ*

Hồng-hồng tuyết tuyết,  
Mới ngày nào, chưa biết cái chi-chi !



Mười lăm năm, thắm-thoắt có ra gì !  
Ngảnh mặt lại, đã tới kỳ tở-liều,  
Ngã lãng du thì, khanh thượng thiếu,  
Khanh kim hứa giá, ngã thành ông,  
Cười cười, nói-nói sượng-sùng,  
Mà bạch-phát với hồng-nhan chừng ái ngại,  
Riêng một thú thanh sơn đi lại,  
Khéo ngậy-ngậy, đại-dại mấy tình !  
Đàn ai một tiếng gương tranh.

## CÁC BÀI HÁT QUAN DƯƠNG-KHUÊ

### *Năm bài*

(Ngài người làng Vân-dinh, phủ Ứng-hóa, tỉnh Hà-đông, đỗ Tiên-sĩ khoa Nhâm-thìn, niên-hiệu vua Tự-Đức năm 21, làm quan đến Thượng-thư, lại về Tham-tá nha Kinh-lược, khoa hoạn rất là rõ-ràng. Ngài là một bậc từ-tảo phong-lưu, không những văn-chương hay, các bài hát và roi châu, rất là hay có tiếng, đó cũng là vận-sự riêng trong một bậc văn-hoa; xin lục những bài hát sau này :)

### 6. — DÂY LOAN XIN NÓI CẦM LÀNH CHO AI ?

#### 1° — *Hỏi truyện cô dâu*

Nhân vong, cầm tại,  
Thương chàng Hai, mà hỏi lại cô Hai ;  
Tiện đây hỏi một đôi nhời :  
Đàn bản ấy đã cùng ai so phẩm cũ ?  
Hồng phấn, kỷ nhân vi quả-phụ ?



Bạch-dầu, nan lão Trác-vấn-quân,  
Thế thì khi gió gác, khi giăng sân,  
Chứng bạch-tuyết, dương-xuân còn tưởng nhớ !  
Hãy ngồi lại hát chơi khúc nữa,  
Ai trách chi tang chở xóm Bình-khang ?  
Xưa nay nghề-nghiệp thế thường.

27. — TÌNH NHÂN LẠI GẶP TÌNH NHÂN

2° — *Gặp cô đầu cũ*

Hốt ức lục thất niên tiền sự,  
Nợ phong-lưu chưa phải hương nguyên ;  
Tới bây giờ lại gặp người quen,  
Nỗi lưu-lạc, sự ghét-ghen là thế-thế !  
Thiếp tự thân khinh, lang vị khí,  
Thần tuy tội trọng, để do liên !  
Can chi mà tủi phận hờn duyên ?  
Đề son phấn đàn em thêm khúc-khích !  
Ý trung nhân, tự khả tình tương bạch,  
Thôi bút nghiên, đàn phách cũng đều sai,  
Gặp nhau ta sẽ vui cười.

28. — SÔN-SAO TI TRÚC HỘI-ĐỒNG QUÂN QUAN

(Mừng khánh - thành sinh - từ và hiền quan quận  
Nguyễn-Tổng-Khê lai kinh).

CÂU MIÊU

Ấy ai ghi nhớ sống thờ,  
Tổng-khê Tướng-quốc sinh-từ, kia-kia !



Tầng lầu các họa thơ đề,  
Nghiễn-bi thừa trước, Hùng-bi thừa này !  
Giang sơn riêng thú thanh-kỳ,  
Có lầu có tháp, có bia công-thần,  
Giữa giới một gác khuê-văn,  
Chùa tiên bên nọ, miếu thần bên-ni !

3° — Bài thứ nhất

Thừa tướng đại danh thùy vũ-trụ,  
Sinh-từ trường dữ thử giang-san !  
Thú vui chơi, thắng-tích, kỳ-quan,  
Miền thủy nhiều, hoa hoàn coi cũng rưa,  
Ngấn tuyết chảo vãng, hoàn, lưu, khứ,  
Dịp tuần hồng như-như ti-ti !  
Hát rằng vô dĩ công qui,  
Một tiếng trúc, dây ti là một nhớ !  
Hỏi lại cỏ hoa đã biết chữa ?  
Nước non này còn đó bởi vì ai ?  
Còn sông Tô, Nhị còn dài,  
Còn bia Nùng, Khán còn nhờ niềm ân,  
Trăm nghìn bái chúc thần-quân.

4° — Bài thứ hai

Tung sinh, Nhạc giáng chân danh thế,  
Đệ nhất nguyên-huân, đệ nhất nhân !  
Vị đem mà vẽ lại các kỳ-lân,  
Gồm đủ cả trượng-tiết, trừ - biên, giao-lân,  
phụng-sứ,  
Nghìn năm lẻ, bóng đường, mưa thử,  
Giang sơn này lưu khứ nhớ hay không ?



Càng lâu càng nhớ Tướng-công,  
Lúc bản-dãng tình trung càng tỏ dạ !  
Một mình hệ hoàng-gia tôn-xã,  
Trăm ngàn năm vàng đá vẫn còn ghi,  
Sinh-từ Tướng-quốc kia-kia !

29. — CỎ CÂY CỎ ĐÁ SẴN-SÀNG

5° — *Hương-sơn*

(Núi Hương-tích ở về phủ Mỹ-đức, huyện-Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông. Một núi rất là u tịch, lối vào khuất khúc, qua khe đên núi, qua núi đên chùa, qua chùa đên động, lại có những chợ giời, rừng mơ, suối Giải-oan, lối lên giời, hang xuống đất, thực là thợ giời xếp-đặt sẵn ra một cảnh chí tự nhiên. Vua Thánh-tôn nhà Lê có khắc 5 chữ bằng đá để trước cửa động rằng : « Nam thiên đệ nhất động » nghĩa là động thứ nhất giời Nam. Tương truyền đức chúa-Ba nước ta đặc đạo tu ở đây, cho nên đên nay năm-năm cứ tháng hai, tháng ba, kẻ hành hương, người lâm thắng, thực là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Các bài đề vịnh cũng nhiều, xin lục hai bài sau này :)

Thú thiên nhiên đâu bằng Hương-tích,  
Đủ thanh-tao, cảnh lịch trăm chiều !  
Người thời vui trĩ-thỏ sô-nghiêu,  
Kẻ thời thích yên-hà phong-nguyệt.  
Kho vô-tận những thế nào chưa biết,  
Thú hữu-tình sơn thủy thực là vui !  
Khi dăng lâm, có lối đến gần giời,



Mây dưới gót, đủ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng!  
Lúc vào động ngắm sơn-quinh thạch-dăng,  
Bút thần ngoan chưa khéo vẽ cho cùng,  
Riêng một bầu sắc-sắc không-không,  
Khắp mọi vẽ kỳ-kỳ quái-quái!  
Động chủ hữu linh thần-bút tại,  
Hóa-nhi vô ý tự-nhiên công!  
Khách trèo non ngánh lại mà trông,  
Lòng mẩn cảnh đời chân đi hóa đứng!  
Chén vân-dịch nghiêng bầu uống găng;  
Bức thơ tiên mở túi liền đề.  
Giải oan ra, tẩy tục lại thêm hay,  
Thiên-chủ tới, vong cơ càng thấy khỏe!  
Làng thi tửu còn đâu hơn đấy nhỉ?  
Chẳng Bồng-lai, Nhược-thủy cũng thần tiên,  
Rõ ràng đệ nhất Nam-Thiên,  
Mang đi sợ đề thần tiên mất lòng!  
Thôi thì đề đấy chơi chung.

---

## QUAN NGHỀ CHU-MẠNH-CHINH

(Người làng Phú-thị, tỉnh Hưng-yên, đỗ Giải-nguyên, Tiên-sĩ, làm quan đến Án-sát tỉnh Hà-nam. Quan Chu cũng là một bậc từ-tào phong-lưu, các nghề chơi như: đàn, vẽ, bắn súng, đánh cờ điếu giỏi cả, văn nam-âm cũng hay, có tập thơ vịnh Kiều 20 bài in để lại, và ít nhiều bài hát còn truyền, xin lục bài hát sau này:)



*Bài hương-sơn thứ hai*

Bầu giời cảnh bụi,  
Thú hương-sơn ao ước bấy lâu nay !  
Kia non-non, nước-nước, mây-mây,  
Đệ-nhất-động hỏi rằng đây có phải ?  
Thủ-thỉ rừng mai chim cúng trái,  
Lững-lờ khe nước, cá nghe kinh.  
Thoảng bên tai một tiếng chầy kinh,  
Khách tang-hải đặt mình trong giấc mộng !  
Này thú Giải-oan, này chùa Cửa-võng,  
Này am Phật-tích, này động Tuyết-kinh,  
Nhác trông lên ai khéo họa hình,  
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt ;  
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,  
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây !  
Ý giang-sơn còn đợi ai đây ?  
Hay tạo-hóa khéo ra tay xếp đặt !  
Lần tràng-hạt niệm nam-vô phật !  
Cảnh từ-bi công đức biết bao,  
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

---

**QUAN DOÃN-KHUÊ**

(Ngài người làng Ngoại-lân, tỉnh Thái-bình, đỗ Tiên-sĩ khoa Mậu-tuất, niên hiệu vua Minh-Mệnh ta thứ 19, quan sung chức Doanh-điền-sứ tỉnh Nam-định, là em quan Trung-nghĩa-tướng-quân Doãn-Uân, khoa-danh, tiết-nghĩa có danh-tiếng ở quốc triều ta, xin lục bài hát sau này :)



30. — CÒN CHEN VÀO CHỐN BỤI HỒNG LÀM CHI

Môn tài ngũ liêu,  
Đào-uyên-Minh qui khứ lai hề ?  
Chỉ vân-sơn hẹn lấy đường về,  
Đừng theo-đuổi phong-trần chi mãi-mãi !  
Giời đất nề-nang người khí-khái,  
Nước non tây-vị kẻ tài tình,  
Đạo Chích lợi, Bá-Di danh,  
Hỏi Thủ-lĩnh, Đông-sơn ai phải chẳng ?  
Bắc đồng cân thử xem nhẹ nặng,  
Chữ lợi kia nhẹ bằng mấy mươi !  
Danh thơm dài dẽ trên đời,

---

31. — GIĂNG THỀ CÒN ĐÓ TRO-TRO

Cao sơn nhất phiến nguyệt,  
Đã chơi giăng nên phải biết tình giăng,  
Sơn chi thọ, đối với nguyệt chi hằng,  
Sơn có nguyệt càng thêm cảnh sắc,  
Nguyệt quải hàn sơn thi bán bức,  
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn ;  
Giăng chưa già, núi vẫn còn non,  
Núi chưa khuyết, giăng vẫn tròn mấy núi ;  
Rượu một bầu, thơ ngâm một túi,  
Góp gió giăng, làm bạn với non sông !  
Núi kia, tạc dẽ chữ đồng,  
Giăng kia, nhớ mặt anh-hùng này chẳng ?  
Sinh thay kia núi nợ giăng.

---



TÌ BÀ HÀNH

Lác-dác rừng phong hạt móc xa,  
Ngàn lau hiu-hắt khí thu mờ,  
Lưng gò sóng gợn lòng sông thẳm,  
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.  
Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ,  
Con thuyền buộc chặt khối tình già.  
Lạnh lùng giục kẻ tay đao xích,  
Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,  
Quạnh hơi thu lau-lách đìu-hiu,  
Người xuống ngựa, khách dừng trèo,  
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều chúc tở.  
Say cũng luống ngẩn-ngơ hầu dễ,  
Nước mênh-mông dắm vẽ gương trong.  
Đàn ai chợt tiếng bên sông,  
Chủ khuấy-khũa lại, khách rùng-rắn xuôi.  
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?  
Ngừng dây tở, nấn-ná làm tỉnh,  
Rời thuyền ghé lại thăm tình,  
Dong đèn chước chén còn dành tiệc vui,  
Mời-mọc mãi thấy người bở ngỡ,  
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa,  
Vạn đàn vài tiếng dạo qua,  
Dẫu chưa nên khúc tình đã thoảng hay.  
Nghe nảo nuốt mấy dây rút bạc,  
Nường than niềm, tấm tức bấy lâu,  
Chau mày tay gầy khúc sầu.  
Tả tình rã hết trước sau muôn vạn,  
Ngón buông, bắt khoan khoan đìu-dặt,



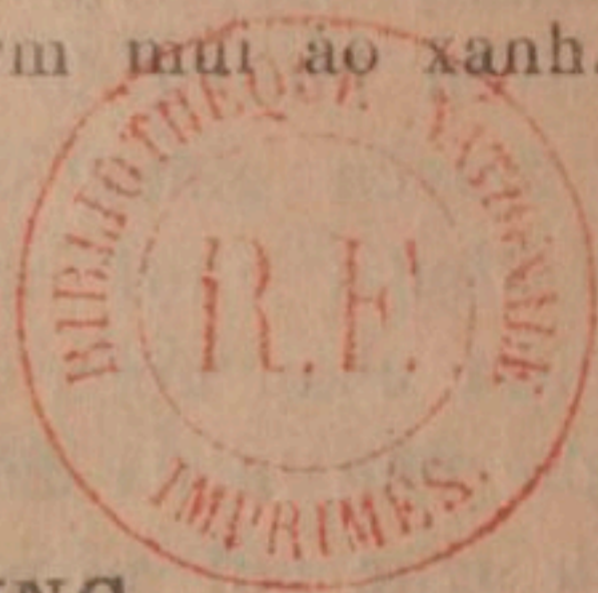
Trước nghệ-thường, sau thoát lục điều,  
Dây to nhường đồ mưa rào,  
Nỉ-non dây nhỏ nửa chiều chuyện riêng,  
Tiếng cao thấp đành hanh lần gầy,  
Mâm ngọc dàu bông nầy hạt châu,  
Trong hoa oanh riu-rit nhau,  
Suối khe giéo-giắt chảy thâu dưới ghềnh.  
Nước suối lạnh tơ mảnh ngừng tắt,  
Ngừng tắt nên phút bật đường tơ.  
Âm-thầm đau đớn ngần-ngờ,  
Vẻ người lặng-ngắt bấy giờ càng hay,  
Bình bạc vỡ tuôn đầy giọt nước,  
Ngựa sắt giông thét ngược tiếng giao,  
Cung đàn chọn bực thanh tao,  
Tiếng buông sé lựa đượm vào bốn dây,  
Thuyền mấy lá đông tây im phắc,  
Một vàng giăng trong vắt lòng sông.  
Ngậm-ngùi đàn đã sắp xong,  
Áo siêm sửa soạn hầu mong giả nhời,  
Rằng: xưa vốn là người kẻ chợ,  
Gò Hà-mô chú ở lân la.  
Học đàn từ thừa mười ba,  
Giáo phường đệ nhất bậc đà liệt tên.  
Ả Thiện tài sợ phen dựng khúc,  
Gái thu-nương ghen lúc diềm tô,  
Ngũ-lăng chàng trẻ tranh-đua,  
Biết bao the đồ chuốc mua ngón đàn,  
Vành lược bạc chia, tan dịp khổ,  
Bức quần hồng, hoen ố rượu rơi,



Năm năm lần nữa vui cười,  
Mãi giăng gió, chả đoái-hoài xuân thu.  
Buồn em chầy, lại lo gì thác,  
Lần hôm mai đổi khác hình-dung,  
Cửa thưa dẫu ngựa vắng không,  
Thân già mới kết bạn cùng khách thương.  
Khách trọng lợi khinh đường sa-cách,  
Mãi buồn chề sớm tếp dậm khơi.  
Thuyền không đỗ bến mặc ai,  
Quang thuyền giăng sáng nước trôi lạnh lùng.  
Canh khuya chợt nhớ vòng tuổi trẻ,  
Lệ chứa chan hoen vẽ phấn son,  
Nghe đàn ta đã chệnh buồn,  
Lại rầu nghe nổi nỉ-non mấy nhời,  
Cùng một lứa bên giờ lẳng-dẳng,  
Gặp-gỡ nhau lo sẵn quen nhau,  
Từ xa Kinh-khuyết bấy lâu,  
Tầm-dương đất chích, gối sầu hôm mai.  
Chốn cung-tịch biết ai vui với,  
Tai chẳng nghe đàn thổi cả năm,  
Sông Bồn gần chốn cát lằm,  
Lau già, trúc cối âm-sầm quanh hiên.  
Tiếng chi đó, nghe liền sớm tối,  
Quyên kêu than, vượn nói véo-von,  
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,  
Lần lần tay chuốc chén son ngập-ngừng.  
Há chẳng có sáo đùng hát núi,  
Rọng liu lo nhiều nổi khó nghe,  
Ti bà nghe dạo đêm khuya,



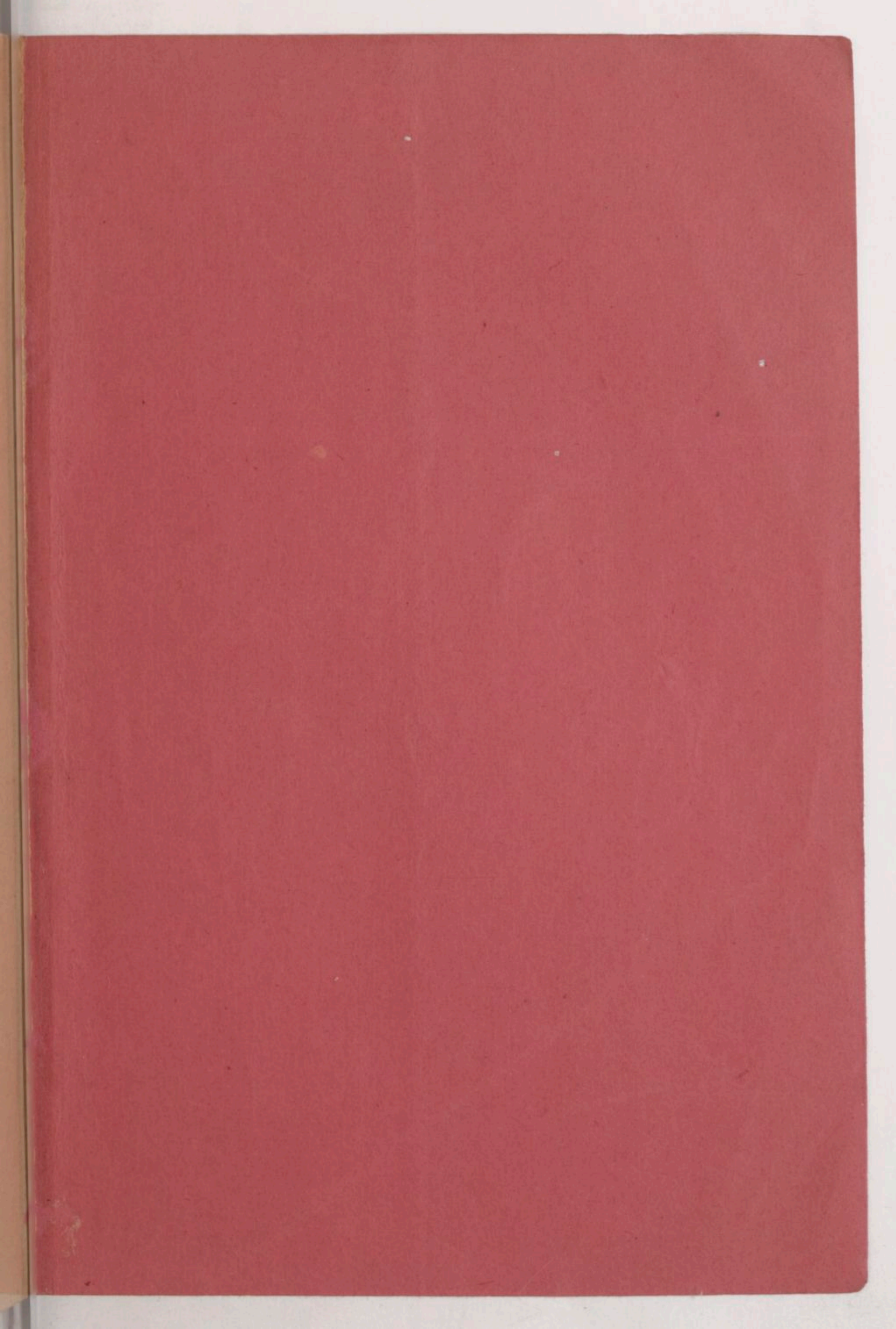
Nhạc tiên dẫu đã sớm kề bên tai.  
Cảng ngồi lại đàn chơi khúc nữa,  
Sẽ vì nàng soạn sửa nhời ca,  
Đứng lâu nhường cảm ý ta,  
Dồn ngồi giờ ngọn, đàn đà kịp dây,  
Bực, rầu rĩ khác tay đàn trước,  
Trong tiệc hoa tuôn nước lệ rơi,  
Lệ ai chan chứa hơn ai.  
Giang-châu Tư-mã, dướm mũi áo xanh.



CHUNG









Có dâng Hoàng-Thượng và  
trình phủ Thống-Sứ